



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM



## SẢN PHẨM 1

# TÀI LIỆU GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ KHU VỰC TÂY NGUYÊN

*(Thuộc nhiệm vụ: Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã  
trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên,  
mã số B2022 - VKG - 02.MT.TĐ)*

**Chủ nhiệm: PGS.TS. Trần Huy Hoàng**



HÀ NỘI - 2024

**SẢN PHẨM 1:**

**TÀI LIỆU**  
**GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**  
**KHU VỰC TÂY NGUYÊN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**  
**GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG**  
**NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN**

**Mã số: B2022-VKG-02-MT.TĐ**

**Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS Trần Huy Hoàng**

**Hà Nội - 2024**



## MỤC LỤC

<b>Mở đầu</b>	5
<b>Phần 1. Cơ sở pháp lý và tầm quan trọng của việc bảo vệ ĐVHD</b>	7
1.1. Cơ sở pháp lý của việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD	7
1.2. Vai trò, tầm quan trọng của việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD	11
<b>Phần 2. Một số kiến thức cơ bản về bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên</b>	14
2.1. Hệ sinh thái khu vực Tây Nguyên: khí hậu, đất, tầng địa chất, tài nguyên thực vật, tài nguyên động vật.	14
2.2. Đa dạng sinh học và môi trường sống của ĐVHD.	22
2.3. Sự biến đổi hệ sinh thái ở Tây Nguyên và những đe dọa đối với ĐVHD.	27
2.4. Phương pháp bảo tồn ĐVHD: bảo tồn môi trường sống, bảo tồn di truyền.	30
2.5. Hiện trạng ĐVHD khu vực Tây Nguyên.	32
2.6. Giải pháp bảo tồn, bảo vệ một số loài ĐVHD khu vực Tây Nguyên.	33
<b>Phần 3. Giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên</b>	37
3.1. Mục tiêu giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.	37
3.2. Nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên	38
3.3. Các con đường giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên	41
3.4. Định hướng tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên vào chương trình giáo dục phổ thông.	43
3.5. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục	63
<b>Kết luận</b>	68
<b>Tài liệu tham khảo</b>	70



## MỞ ĐẦU

Vùng Tây Nguyên gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với diện tích cao nguyên rộng lớn, những con sông đầu nguồn và những khu rừng có giá trị cao về đa dạng sinh học. Khu vực này có tính đa dạng sinh học bậc nhất trong 200 vùng đa dạng sinh học trên thế giới, với sự đa dạng của các loại rừng lá kim, rừng khộp, tre nứa, nguyên sinh, thứ sinh, rừng lá rộng rụng lá nhiệt đới, rừng lá rộng thường xanh nhiệt đới,... Tài nguyên động vật có mối quan hệ mật thiết với tài nguyên thực vật nói trên. Tây Nguyên là nơi sinh sống của 126 loài thú thuộc 31 họ, 14 bộ; 412 loài chim thuộc 71 họ, 19 bộ; 64 loài bò sát thuộc 20 họ, 3 bộ; 30 loài ếch nhái thuộc 8 họ, 2 bộ;... Các kiểu rừng ở Tây Nguyên là môi trường sống của nhiều loài động vật quý hiếm có tên trong sách đỏ Việt Nam như các loài thuộc bộ Linh trưởng, bộ Dơi, bộ Ăn thịt, bộ Guốc chẵn. Một số loài quý hiếm ở Tây Nguyên gồm: Bò xám, Voi, Bò tót, Bò rừng, Trâu rừng, Hươu cà toong, Hươu vàng, Chà vá chân đen, Chà vá chân xám, Vượn má hung...; cùng một số loài chim quý như công, trĩ sao, gà lôi, gà tiền, cao cát, chim đuôi cụt,... Khu vực này có 6 vườn quốc gia đó là: Chư Mon Ray (Kon Tum); Kon Ka Kinh (Gia Lai); Yok Đôn (Đắk Lắk, Đắk Nông); Chư Yang Sin (Đắk Lắk); Bidoup núi Bà (Lâm Đồng) và Cát Tiên (Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước); Tà Đùng (Đắk Nông). 5 khu bảo tồn thiên nhiên trong khu vực đó là: Ngọc Linh (Kon Tum); Kon Chư Răng (Gia Lai); Ea Sô và Nam Kar (Đắk Lắk); Nam Nung (Đắk Nông). Các vườn quốc gia và khu bảo tồn có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn nhiều loài ĐVHD quý hiếm nằm trong Sách Đỏ của thế giới và Việt Nam<sup>1</sup>.

Tuy nhiên hơn bốn thập kỷ gần đây, có hai nguyên nhân chính đã khiến hệ sinh thái Tây Nguyên bị chuyển biến, khiến cho các loài ĐVHD đã và đang có nguy cơ bị tuyệt chủng:

(i) Tây Nguyên đã xây dựng 638 hồ thủy lợi, thủy điện, trong đó Đắk Lắk có nhiều công trình nhất với 321 hồ, Đắk Nông 138 hồ, Lâm Đồng 84 hồ, Gia Lai 70 hồ và Kon Tum 25 hồ. Các hồ này phân bố khắp Tây Nguyên (chiếm diện tích 78.698 ha), nên tài nguyên sinh vật chịu 3 tác động chính là: Giảm diện tích phân bố của tài nguyên thực vật; Mất nơi sinh sống của nhiều loài động vật; Tăng diện tích mặt nước, nên phát triển các loài thủy sinh vật.

Những điều này ảnh hưởng tới đường di cư của động vật thể hiện qua: chia cắt đường di chuyển của các loài cá di cư; chia cắt đường di chuyển của các loài động vật sống trên cạn vì không biết bơi.

---

<sup>1</sup> Nguồn: *Biến động tài nguyên sinh vật do tác động của công trình thủy lợi, thủy điện ở Tây Nguyên*, Nguyễn Lập Dân, Hà Quý Quỳnh - Tạp chí Các khoa học về Trái đất, số 36, 3-2014.

(ii) Tình trạng săn bắn, mua bán động vật phục vụ nhu cầu du lịch, làm đồ trang sức,... đang diễn ra phổ biến ở các tỉnh Tây Nguyên.

Do vậy, nhiều ĐVHD nói chung và ở Tây Nguyên nói riêng đang bị giảm số lượng đáng kể. Vì sự đa dạng sinh thái sẵn có của khu vực Tây Nguyên, nên nhiều tổ chức trong và ngoài nước đã có những hành động thiết thực như: tổ chức chương trình “Hồi đáp tiếng kêu của núi rừng”; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ ĐVHD cho người dân; tổ chức sự kiện hưởng ứng Ngày thế giới bảo tồn các loài hoang dã với chủ đề “Tây Nguyên kiêu hãnh, Tây Nguyên bảo vệ thú rừng”...

Thúc đẩy phong trào này, ngành giáo dục cần có những hành động thiết thực để nâng cao nhận thức về bảo vệ, bảo tồn ĐVHD cho người dân. Trong các hoạt động bảo tồn ĐVHD khu vực Tây Nguyên, hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông được xác định là khâu trọng yếu bởi lẽ, một trong những lực lượng góp phần quan trọng trong bảo tồn ĐVHD là nhà giáo dục, học sinh, cha mẹ và người thân.

Chương trình GDPT 2018 được xây dựng theo tiếp cận năng lực; năng lực BVMT nói chung và BVĐVHD nói riêng mặc dù không được xác định một cách tường minh trong Chương trình, nhưng những biểu hiện của năng lực này cho thấy đó là những nội dung rất được chú trọng trong nhiều môn học. Dù đã có nhiều công trình, dự án đã đề cập đến vấn đề bảo tồn ĐVHD trên thế giới và ở Việt Nam, nhưng chưa có công trình nào đề cập một việc biên soạn chương trình, tài liệu giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông nói chung, dành riêng cho khu vực Tây Nguyên nói riêng. Việc biên soạn và tích hợp những nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD vào chương trình mới ban hành 2018 cần được ưu tiên.

Với những lí do nêu trên, việc biên soạn một tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên theo hướng cung cấp những kiến thức cơ bản về ĐVHD khu vực Tây Nguyên và hướng dẫn các hoạt động giáo dục về giáo dục về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên tích hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là cần thiết nhằm giúp CBQL và GV có kiến thức, thông tin cơ bản nhất để vận dụng có hiệu quả trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

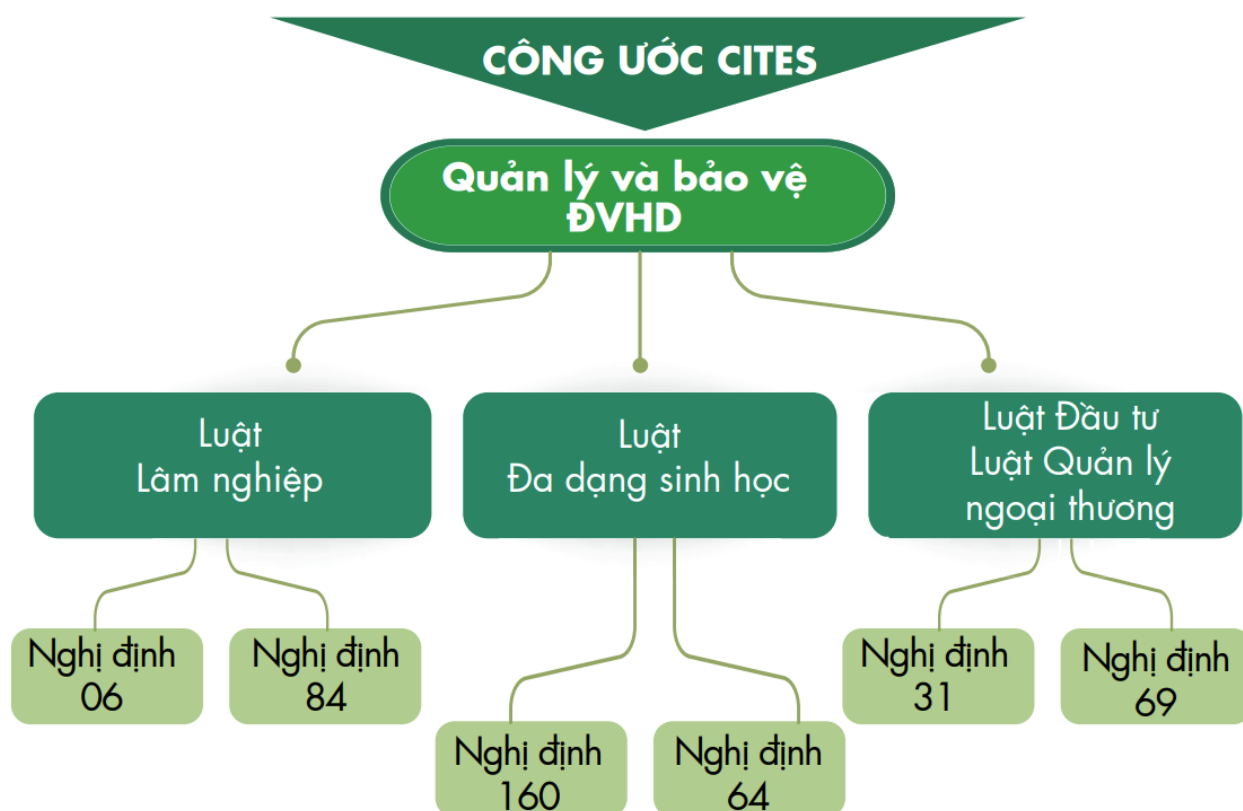
## Phần I.

# CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

### 1.1. Cơ sở pháp lý của việc bảo tồn, bảo vệ động vật hoang dã

Để thực hiện nghĩa vụ thành viên của Công ước CITES<sup>2</sup>, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến bảo vệ động thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm, ở nhiều mức độ từ chính sách đến văn bản luật và dưới luật. Tổng hợp các quy định của pháp luật Việt Nam và các chế tài răn đe để bảo vệ động thực vật hoang dã, có thể phân chia thành thành 2 nhóm chính: 1) Các quy định về quản lý, 2) Các quy định về xử lý vi phạm.

Sơ đồ khung luật pháp Quốc tế và Việt Nam về bảo vệ ĐVHD



#### 1.1.1. Các quy định về quản lý

Các văn bản quy phạm liên quan đến quản lý động thực vật hoang dã có thể được kể đến, như:

– *Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018)*

<sup>2</sup> Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã



Luật Đa dạng sinh học có hiệu lực từ 01/7/2009. Chương IV của Luật này với 18 Điều quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật. Luật Đa dạng sinh học quy định nghiêm cấm các hành vi như săn bắt, đánh bắt và khai thác các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ việc khai thác vì mục đích nghiên cứu khoa học. Luật này cũng nghiêm cấm các hành vi săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

– *Luật Lâm nghiệp năm 2017*

Luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 (thay thế Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004). Theo quy định của Luật Lâm nghiệp, các hành vi săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật bị nghiêm cấm. Đồng thời, Luật Lâm nghiệp cũng quy định việc xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng vì mục đích thương mại phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước CITES. Việc kinh doanh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; các loài thực vật rừng hoang dã, động vật rừng hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước CITES phải bảo đảm truy xuất nguồn gốc và quản lý theo chuỗi từ khai thác, trồng cấy, gây nuôi đến chế biến và tiêu dùng (Điều 72).

– *Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ) về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.*

Nghị định quy định hệ thống các tiêu chí để đánh giá và xác định loài động vật hoang dã đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Theo đó, loài được đưa vào Danh mục nếu (i) số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng và (ii) là loài đặc hữu có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế; sinh thái, cảnh quan, môi trường và văn hóa – lịch sử.

– *Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ) về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.*

Nghị định quy định Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; chế độ quản lý, bảo vệ, trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường; thực thi Công ước

CITES tại Việt Nam. Đây là văn bản quy định trực tiếp và khá đầy đủ về việc thực thi Công ước CITES.

Nghị định số 84/2021/NĐ-CP giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố Danh mục loài động vật hoang dã theo quy định và định kỳ rà soát, điều chỉnh 3 năm một lần hoặc khi cần thiết.

- *Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.*

- *Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.*

- *Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.*

- *Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài động vật hoang dã trái pháp luật.*

- *Chỉ thị 29/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã. Chỉ thị này khẳng định việc tăng cường thực thi pháp luật quốc gia, Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các điều ước quốc tế liên quan là quan điểm chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhất quán của Việt Nam trong thực tiễn nhằm thực thi có trách nhiệm các cam kết quốc tế liên quan.*

### ***1.1.2. Các quy định về xử lý vi phạm và chế tài răn đe***

#### ***1.1.2.1. Quy định liên quan đến xử lý hình sự***

- *Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*

Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có 2 Điều quy định liên quan đến động vật hoang dã, quý hiếm, đó là “*Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã*” (Điều 234) và “*Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” (Điều 244).

Theo Điều 234, các hành vi phạm tội như săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật/ bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES có thể bị phạt tù lên đến 12 năm; đối với pháp nhân thương mại phạm

tội thì có thể bị phạt tiền đến 6.000.000.000 đồng, và có thể bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Theo Điều 244, các hành vi phạm tội như săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật/ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; hoặc săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước CITES có thể bị phạt tù lên đến 15 năm; đối với pháp nhân thương mại phạm tội thì có thể bị phạt tiền đến 10.000.000.000 đồng, và có thể bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

– *Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật hình sự*

Nghị quyết này có 8 Điều, hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật hình sự và Điều 106 về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2018.

#### ***1.1.2.2. Quy định liên quan đến xử phạt hành chính***

Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi liên quan đến động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm được quy định ở nhiều văn bản khác nhau liên quan đến tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và lĩnh vực quản lý. Trong phạm vi quy định về xử phạt hành chính và chế tài răn đe, có thể đề cập đến các nhóm hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã và chế tài răn đe, như sau:

**(1) Vi phạm trong quảng cáo để kinh doanh động vật hoang dã**, bộ phận, sản phẩm động vật hoang dã thuộc Danh mục của Công ước CITES có thể bị xử phạt đến 100.000.000 đồng (Dựa theo điểm a, Khoản 2, Điều 33, Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, cụ thể: *Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định*).

**(2) Vi phạm trong săn, bắt, giết, nuôi, nhốt động vật** rừng trái quy định của pháp luật có thể bị xử phạt đến 400.000.000 đồng (Quy định tại Điều 21, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; Sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

Quy định của Điều 21 (Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022) xử phạt tiền mức tối đa đến 400.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có tang vật là động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB với số lượng 02 cá thể lớp thú hoặc từ 05 đến 06 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 06 đến 09 cá thể động vật lớp khác.

**(3) Vi phạm trong vận chuyển lâm sản trái quy định** của pháp luật có thể bị xử phạt đến 500.000.000 đồng; đối với vận chuyển trái phép động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật có thể bị xử phạt đến 360.000.000 đồng (Quy định tại Điều 22, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; Sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

**(4) Vi phạm trong tàng trữ, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến lâm sản trái quy định** của pháp luật có thể bị xử phạt đến 500.000.000 đồng; đối với tàng trữ, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng có thể bị xử phạt đến 360.000.000 đồng (Quy định tại Điều 23, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; Sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

**(5) Vi phạm quy định về quản lý các loài thủy sản** nguy cấp, quý, hiếm có thể bị xử phạt đến 100.000.000 đồng; tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản đến 06 tháng (Quy định tại Điều 8, Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản).

Có thể nhận định rằng, Việt Nam đã rất tích cực và có nhiều cố gắng trong việc thực thi Công ước CITES, trong đó có việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ở các cấp độ khác nhau. Hệ thống chính sách và quy định pháp luật về buôn bán động vật, thực vật hoang dã của Việt Nam đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng trong công tác quản lý và thực thi các chế tài răn đe đối với các hành vi vi phạm về buôn bán động vật, thực vật hoang dã. Các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về buôn bán động vật, thực vật hoang dã của Việt Nam cũng luôn được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các công cụ pháp luật về chế tài răn đe đối với các hành vi vi phạm pháp luật về buôn bán động vật, thực vật hoang dã. Những nỗ lực nêu trên của Việt Nam trong việc thực thi Công ước CITES đã được CITES thế giới ghi nhận và đánh giá cao.

## **1.2. Vai trò, tầm quan trọng của việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHĐ**

ĐVHĐ là một bộ phận không thể thiếu trong lớp sinh quyển mà con người là một mắt xích quan trọng cho chuỗi chuyên hóa sinh học. Trước nguy cơ tuyệt chủng của

nhiều loài ĐVHD mà nguyên nhân phần nhiều do chính con người tạo nên, việc bảo tồn sự đa dạng của các loài động thực vật trong tự nhiên đang là vấn đề cấp bách hơn bao giờ hết. Bảo tồn động vật hoang dã thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội, duy trì sự đa dạng sinh học và gìn giữ nguồn tài nguyên quý giá cho nhân loại. Bảo vệ, bảo tồn ĐVHD sẽ đem lại những lợi ích nổi bật sau đây:

### ***Đa dạng sinh học***

Đa dạng sinh học là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên. Hiện có khoảng 10 tới 15 triệu loài sinh vật sinh sống trên hành tinh của chúng ta. Tất cả các cá thể sống đều là một phần của mạng lưới phức tạp, cân bằng một cách tinh vi được gọi là sinh quyển. Sinh quyển của Trái đất tạo nên bởi vô số các hệ sinh thái – bao gồm các loài động thực vật và môi trường sống tự nhiên của chúng. Các loài có tác động qua lại với nhau trong cùng một hệ sinh thái và sự biến mất của một loài sẽ gây nên phản ứng dây chuyền, ảnh hưởng tới rất nhiều loài khác. Đặc biệt đối với các loài có vai trò quan trọng trong hệ sinh thái thì sự tuyệt chủng của chúng có thể dẫn đến những hậu họa khó lường.

### ***Đóng góp về y học***

Trong cuộc đấu tranh sinh tồn với những loài sinh vật khác, nhiều loài động vật hoang dã đã tự tìm ra vô vàn cách để kháng vi khuẩn và các tế bào gây ung thư. Chúng có thể tạo ra các phân tử mới lạ mà các nhà hóa học chưa từng biết tới. Việc tìm hiểu và nghiên cứu về đặc tính này của các loài có thể giúp các nhà khoa học tìm ra những phương pháp chữa bệnh mới, hiệu quả cho những căn bệnh tưởng chừng như vô phương cứu chữa.

Thêm nữa, trong cơ thể của nhiều loài động thực vật còn chứa các chất hóa học hữu ích, phục vụ cho việc sản xuất dược phẩm. Nhiều loại thuốc kháng sinh, chất chống ung thư, thuốc giảm đau và thuốc chữa bệnh máu khó đông hiện nay có nguồn nguyên liệu là từ động vật hoang dã. Trên thực tế, hơn 1/4 số đơn thuốc được kê ở Mỹ hàng năm có chứa các chất tìm thấy trong các loài động thực vật. Do đó, nếu những loài này bị làm tổn hại trước khi lợi ích y học của chúng được biết đến thì những lợi ích này cũng sẽ biến mất theo.

### ***Lợi ích nông nghiệp***

Nhiều loài sinh vật tưởng chừng như vô dụng cũng đang bắt đầu cho thấy những lợi ích quan trọng trong ngành nông nghiệp. Những người nông dân đang sử dụng côn trùng và các loài động vật ăn sâu bọ để tiêu diệt sâu bọ gây hại cho mùa màng cũng như sử dụng các giống cây trồng chứa các độc tố tự nhiên đẩy lùi các loài côn trùng gây hại. Chúng được gọi là thiên địch và trong nhiều trường hợp, đây là biện pháp thay thế không những an toàn, hiệu quả mà còn thân thiện với môi trường và ít tốn kém hơn các loại thuốc hóa học tổng hợp.

### ***Điều tiết môi trường***

Nhiều sinh vật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đánh giá chất lượng môi trường. Ví dụ như sự sụt giảm nhanh chóng về số lượng đại bàng đầu bạc và chim ưng vào giữa thế kỷ 20 là lời cảnh báo mạnh mẽ về mức độ nguy hiểm của DDT – một loại thuốc trừ sâu mạnh từng được sử dụng rộng rãi nay tích tụ lại trong mô của cơ thể động vật (làm suy yếu khả năng sinh sản và cản trở quá trình ấp trứng thành công của các loài động vật này). Những loài sinh vật có khả năng chỉ thị môi trường sẽ cảnh báo con người về tác động của biến đổi khí hậu và các chất gây ô nhiễm tới môi trường.

Từ những lợi ích mà ĐVHD mang lại, việc nâng cao nhận thức và hiểu biết của con người về môi trường tự nhiên là việc làm hết sức thiết thực. Bảo tồn ĐVHD chính là bảo vệ một nguồn tài nguyên quý giá, thúc đẩy phát triển toàn diện xã hội. Từ việc nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, mỗi cá nhân cần thay đổi hành vi ứng xử của mình đối với thiên nhiên, cũng như đối với đa dạng sinh học và môi trường.

## PHẦN 2.

### MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN

#### VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ KHU VỰC TÂY NGUYÊN

#### **2.1. Hệ sinh thái khu vực Tây nguyên: khí hậu, đất, tầng địa chất, tài nguyên thực vật, tài nguyên động vật**

##### *2.1.1. Khái niệm Hệ sinh thái và các vấn đề liên quan*

Theo Khoản 9 Điều 3 Luật Đa dạng sinh học năm 2008, Hệ sinh thái là quần xã sinh vật và các yếu tố phi sinh vật của một khu vực địa lý nhất định, có tác động qua lại và trao đổi vật chất với nhau.

Như vậy, hệ sinh thái được hiểu là hệ thống cộng đồng sinh vật trong một khu vực nhất định. Tại đây, các sinh vật tương tác và trao đổi đồng thời với các yếu tố phi sinh vật trong môi trường sống để tồn tại và phát triển.

Các thành phần cấu tạo nên hệ sinh thái trong tự nhiên bao gồm: thành phần phi sinh học (hay gọi là sinh cảnh) và thành phần sinh học (các yếu tố sống).

Thành phần phi sinh học là các điều kiện hỗ trợ sinh vật sống như các yếu tố vật lý (ánh sáng, nhiệt độ, nước, gió, địa hình, khí quyển, thổ nhưỡng); các thành phần hóa học (hợp chất hữu cơ như đường, muối, protein, lipid.. và các nguyên tố hóa học trong các quá trình trao đổi vật chất); các dạng vật chất tác động mạnh mẽ vào tầng phân hóa sinh học trong hệ sinh thái.

Thành phần sinh học là thành phần chính của hệ sinh thái, bao gồm nhiều nhóm sinh vật tự dưỡng, dị dưỡng và sinh vật trung gian tạo thành hệ thống đa dạng có liên kết chặt chẽ với nhau.

Nhóm sinh vật tự dưỡng sử dụng chính nguồn phi sinh học để tự sản xuất dinh dưỡng cung cấp cho cơ thể phát triển. Đại diện phổ biến có thể kể đến là nhóm thực vật, một số nhóm vi khuẩn (khuẩn lam, khuẩn lưu huỳnh), tảo đơn bào... Quá trình quang hợp chiếm phần lớn trong quá trình phát triển của nhóm sinh vật sản xuất này.

Nhóm thứ hai là sinh vật dị dưỡng hay còn gọi là nhóm sinh vật tiêu thụ. Chúng thông qua việc tìm kiếm chủ động (săn bắt, hái lượm..) theo bản năng để cung cấp năng lượng cho cơ thể. Các loài động vật là điển hình cho nhóm dị dưỡng và còn có một số vi sinh vật, nấm với khả năng tương tự. Vai trò của nhóm này cực kỳ quan trọng cho vòng tuần hoàn sinh thái trong khu vực.

Cuối cùng là nhóm sinh vật phân giải trung gian có nhiệm vụ phân huỷ và tái tạo dinh dưỡng, giúp cân bằng hoạt động sống trong hệ sinh thái. Chúng hoạt động âm thầm và không có thiên địch như hai nhóm trên.

Hệ sinh thái có vai trò chức năng quan trọng với sự sống trên Trái đất, góp phần duy trì sự sống của tất cả các sinh vật. Hệ sinh thái có chức năng điều hòa môi trường sống bằng cách duy trì sự cân bằng và tương tác giữa các thành phần của môi trường sống. Các chu trình trao đổi vật chất và quá trình sinh tồn của các loài sinh vật đóng vai trò cần thiết cho cơ sở phát triển chung.

Chức năng điều tiết này là quá trình tất yếu trong hệ sinh thái. Khi sự cố xảy ra sẽ gây gián đoạn và ảnh hưởng đến quy luật tuần hoàn tự nhiên. Trạng thái ổn định của hệ sinh thái mất cân bằng nghiêm trọng. Nguy cơ tuyệt chủng một số loài sinh vật là điều khó tránh khỏi.

Các chức năng của hệ sinh thái có thể kể đến là: *chức năng sản xuất; chức năng tạo môi trường sống*. Đó là ngôi nhà chung của tất cả loài sinh vật, có vai trò cung cấp nguồn thức ăn, nước uống, các điều kiện sống và không gian phát triển đặc trưng cho mỗi loài. Việc bảo vệ và duy trì hệ sinh thái là rất quan trọng để đảm bảo sự sống của các loài động vật, thực vật, nhất là việc giảm thiểu nguy cơ biến đổi khí hậu và tác động tiêu cực của con người lên môi trường sống.

Vai trò của hệ sinh thái đối với con người được thể hiện ở các yếu tố sau: cung cấp nguồn tài nguyên (tài nguyên rừng, tài nguyên biển, tài nguyên sinh vật, tài nguyên đất, nước,...). Chức năng điều tiết tự nhiên của hệ sinh thái giúp khí hậu được điều hòa, hệ sinh thái rừng là cỗ máy lọc tự nhiên đảm bảo chất lượng nguồn nước luôn tinh khiết. Bên cạnh những lợi ích về mặt tài nguyên và môi trường, hệ sinh thái còn đem đến những giá trị tinh thần quan trọng cho cuộc sống con người, các khu du lịch sinh thái, các vườn quốc gia là minh chứng cho những giá trị văn hóa, xã hội và kinh tế.

Hiện nay trong môi trường sống có bốn hệ sinh thái cơ bản: Hệ sinh thái trên cạn (Hệ sinh thái rừng); Hệ sinh thái biển; Hệ sinh thái nước ngọt và Hệ sinh thái nhân tạo.

*2.1.2. Hệ sinh thái khu vực Tây Nguyên: khí hậu, tài nguyên đất, tài nguyên thực vật, tài nguyên động vật*

Tây Nguyên là vùng cao nguyên gồm 05 tỉnh, xếp theo thứ tự vị trí địa lý từ Bắc xuống Nam, gồm Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với diện tích tự nhiên là 54.597,8 km<sup>2</sup>. So với tổng diện tích của cả nước là 310.060 km<sup>2</sup> thì diện tích các tỉnh Tây Nguyên chiếm 17,6% (CCKL vùng IV, 2019).

Hệ sinh thái khu vực Tây Nguyên đa dạng về các kiểu hệ sinh thái rừng, thành phần loài, nguồn gen tự nhiên phong phú chứa đựng trong các loài động thực vật, đặc biệt là các loài bản địa, đặc hữu, những loài quý hiếm, nguy cấp có giá trị bảo tồn. Sự phong phú, đa dạng của nguồn tài nguyên sinh học ở rừng đã mang lại cho con người những giá trị trực tiếp, gián tiếp; càng cho thấy rừng ở Tây Nguyên không những có ý nghĩa về mặt kinh tế, mà còn có ý nghĩa về sinh thái, môi trường. Rừng ở Tây Nguyên



thuộc lưu vực của ba hệ thống các sông chính là: hệ thống sông Ba, hệ thống sông Mê Kông (gồm hai hệ thống nhánh là Sê San và Srepók) và hệ thống sông Đồng Nai nên rừng Tây Nguyên có vai trò phòng hộ đầu nguồn lớn. Ảnh hưởng của rừng không chỉ trong phạm vi khu vực, mà còn liên quan trực tiếp đến các khu vực lân cận như Duyên hải Nam Trung bộ; Đông Nam bộ;...Phần lớn diện tích lãnh thổ Tây Nguyên thuộc về phía Tây dãy Trường Sơn. Phía Tây khu vực tiếp giáp với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia, nối với Thái Lan, Myanmar qua các hành lang Đông - Tây. Các tỉnh vùng Tây Nguyên nằm trong khu vực hợp tác của Tiểu vùng Mê Kông mở rộng và Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia<sup>3</sup>.

Có 03 hệ sinh thái đặc thù của vùng là: Hệ sinh thái rừng, Hệ sinh thái thủy vực (sông, suối, hồ) và Hệ sinh thái nông nghiệp.

*a) Khí hậu khu vực Tây Nguyên:*

Tây Nguyên gồm ba tiểu vùng khí hậu gọi tên theo ba vùng địa hình chính đó là: tiểu vùng khí hậu Bắc Tây Nguyên (tương ứng với các tỉnh Kon Tum và Gia Lai); tiểu vùng Trung Tây Nguyên (tương ứng với các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông) và tiểu vùng Nam Tây Nguyên (tương ứng với tỉnh Lâm Đồng). Trong đó Trung Tây Nguyên có độ cao thấp hơn và có nền nhiệt cao hơn hai tiểu vùng phía Bắc và Nam. Tây nguyên với đặc trưng của vùng có địa hình cao nguyên với hệ thống núi có địa hình phức tạp, kết hợp yếu tố khí hậu cận xích đạo, chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa hè - thu mưa nhiều; mùa đông - xuân mưa ít.

Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, nhiệt độ trung bình tháng khá ổn định, trong khoảng 20 – 25 °C, khí hậu ẩm và dịu mát; mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, khí hậu khô và lạnh, độ ẩm thấp, thường có gió cao nguyên từ cấp 4 đến cấp 6.

*+) Nền nhiệt độ*

Do ảnh hưởng của địa hình, khí hậu có sự phân hóa theo từng vùng, nền nhiệt độ thay đổi theo xu hướng địa hình càng lên cao, nhiệt độ càng giảm.

- Vùng có độ cao 500 - 800 m, nhiệt độ trung bình năm là 21- 23 °C.

- Vùng có độ cao 800 - 1100m, nhiệt độ trung bình năm là 19 – 21 °C.

- Các vùng có độ cao trên 1500m nhiệt độ không khí trung bình của năm ổn định trong khoảng 18 °C. Chênh lệch giữa tháng nóng nhất và lạnh nhất từ 3 – 6 °C.

*+) Chế độ mưa*

---

<sup>3</sup> Báo cáo quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (18-9-2023)

- Lượng mưa cả năm chủ yếu tập trung vào mùa mưa từ tháng 5 - 10 đạt 75 - 80% cả năm, đỉnh mưa thường xuất hiện vào tháng 8 - 9;

- Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, thời gian này khí hậu khá khắc nghiệt, thường xảy ra hạn hán, rất bất lợi cho sản xuất cũng như hệ sinh thái rừng, cháy rừng; ảnh hưởng đến môi trường sống của sinh vật trong đó có ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

Lượng mưa còn phân hóa theo địa hình, vùng cao có lượng mưa lớn. Lượng mưa biến động trong khoảng: 1200 - 2500mm/năm. Trung bình là 1.700mm

*+) Chế độ gió*

- Hướng gió chủ yếu vào mùa mưa là gió Tây Nam, mùa khô là gió mùa Đông Bắc, gây khô hạn nghiêm trọng.

- Tốc độ gió bình quân 2,4 - 5,4m/s, hầu như không có bão nhưng thường bị ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới vùng biển Đông gây ra những cơn gió kéo dài.

*b) Tài nguyên đất:*

Tây Nguyên có lợi thế lớn so với cả nước về đất đai, trong đó nổi bật là đất đỏ bazan với khoảng 1,53 triệu ha, chiếm tỷ lệ 28,1% diện tích tự nhiên của vùng Tây nguyên và 74,25% diện tích đất bazan của cả nước, được xếp vào loại đất khá tốt trên thế giới, phân bố chủ yếu trên các cao nguyên: Kon Hà Nừng, Pleiku, Buôn Ma Thuột, Đắk Nông, Lâm Viên và Di Linh.

Tài nguyên đất là yếu tố quan trọng để Tây Nguyên trở thành vùng phát triển nông lâm nghiệp đa dạng, với nhiều sản phẩm chủ lực cho nền kinh tế mũi nhọn như: cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, ngô lai, bông vải, chè, rau, hoa, cây ăn trái... Tổng diện tích đất tự nhiên toàn vùng là 5.454.830,51ha (bằng 16,5% tổng diện tích đất tự nhiên cả nước). Trong đó:

+ Đất nông nghiệp là 5.005.011ha, chiếm 91,7%, diện tích các loại đất vẫn đang bị chuyển dịch không theo quy hoạch chủ yếu là đất rừng bị phá chuyển sang trồng các loại cây công nghiệp như cà phê, cao su... làm suy giảm diện tích rừng, ảnh hưởng đến bảo vệ môi trường sinh thái - xã hội, tạo ra các điểm nóng tranh chấp đất đai và an ninh nông thôn.

+ Đất rừng phòng hộ 537,18 nghìn ha, chiếm 10,49% diện tích đất rừng phòng hộ của cả nước, giảm 88,83 nghìn ha so với năm 2010.

+ Đất rừng đặc dụng 489,94 nghìn ha, chiếm 21,35% diện tích rừng đặc dụng cả nước. Việc sử dụng đất rừng đặc dụng vẫn còn tồn tại hiện tượng xâm canh, xâm cư đối với một số khu rừng đặc dụng còn xảy ra do áp lực về đất đai và khai thác tài nguyên; xâm lấn ranh giới giữa các khu rừng đặc dụng với vùng đệm, kể cả những nơi ranh giới

đã được xác định còn xảy ra khá phổ biến dọc theo vùng ranh giới. Tại những nơi dân cư còn sống trong rừng hay nương rẫy của họ còn ở bên trong khu rừng đặc dụng, thường xảy ra xâm phạm ranh giới để khai thác tài nguyên rừng để sản xuất (tại các Vườn quốc gia: Cát Tiên, Yok Don...). Trong quá trình thành lập một số khu rừng đặc dụng, vẫn có diện tích đất của một số cơ quan Nhà nước, các hộ dân nằm bên trong và phần giáp ranh của các khu rừng đặc dụng.

Ngoài ra là các diện tích đất khác như: đất phi nông nghiệp bao gồm đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất công cộng, an ninh quốc phòng... đất khu công nghiệp, đất phát triển hạ tầng, đất đô thị....

Tuy nhiên, trong thời gian qua do việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp diễn ra quá mạnh, tràn lan, cộng với các cấp chính quyền buông lỏng công tác quản lý bảo vệ rừng nên làm cho diện tích rừng, đất rừng ngày càng thu hẹp. Mặt khác, do canh tác không khoa học, không hợp lý nên làm cho thảm thực vật (tấm áo bảo vệ mặt đất) bị lột đi nhanh chóng kéo theo tình trạng xói mòn, rửa trôi đất ở Tây Nguyên ngày càng nhiều. Đất bị thoái hóa được hiểu là đất bị thay đổi những đặc tính và tính chất vốn có ban đầu (theo chiều hướng xấu) do sự tác động của các yếu tố tự nhiên và con người. Nhiều nơi ở khu vực Tây Nguyên đã có biểu hiện của sự sa mạc hóa, hạn hán quanh năm, cây trồng bị khô cằn không phát triển. Có nhiều nguyên nhân làm cho đất Tây Nguyên bị suy thoái, song nguyên nhân chủ yếu do tác động chính từ con người. Điều này sẽ có những tác động tiêu cực với hệ sinh thái, đa dạng sinh học và hệ động thực vật khu vực Tây nguyên.

#### *c) Tài nguyên thực vật khu vực Tây Nguyên:*

Khu vực Tây Nguyên có diện tích rừng lớn thứ hai cả nước (chiếm khoảng 17,5%), có tiềm năng lớn về tài nguyên rừng và nhiều lợi thế về phát triển kinh tế, phát triển lâm nghiệp. Nguồn tài nguyên thực vật chứa đựng trong các hệ sinh thái, đặc biệt là trong các hệ sinh thái rừng khu vực Tây Nguyên, cụ thể:

- Diện tích rừng đặc dụng: 504.000ha trong đó VQG 371.000ha; Dự trữ thiên nhiên 102.000ha; Bảo tồn loài sinh cảnh 15.000ha; Bảo vệ cảnh quan 12.000ha; Nghiên cứu khoa học 4.000ha.

- Diện tích rừng phòng hộ: 641.000ha trong đó: Rừng phòng hộ đầu nguồn 621.000ha; rừng bảo vệ nguồn nước 17.000ha; rừng phòng hộ biên giới 4.000ha.

- Diện tích rừng sản xuất: 1.723.000ha, trong đó: Gỗ lớn 1.205.000ha; gỗ nhỏ 151.000ha; Tre nứa 20.000ha; Hỗn hợp 346.000ha<sup>4</sup>.

---

<sup>4</sup> Nguồn: Báo cáo Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Xét về đặc tính sinh thái, vùng Tây Nguyên có hệ sinh thái tự nhiên rừng kín thường xanh chiếm phần lớn (khoảng hơn 60% diện tích có rừng), tiếp đến là hệ sinh thái rừng lá rộng rụng lá chiếm khoảng 15%, tiếp đến HST tự nhiên tre nứa, cây bụi, trảng cỏ chiếm khoảng 12%, hệ sinh thái rừng lá kim chiếm khoảng 3% và hệ sinh thái rừng trồng chiếm khoảng 9%<sup>5</sup>.

+ Hệ sinh thái rừng kín thường xanh: Rừng thường có 2 tầng cây gỗ và tầng cỏ quyết; Kiểu rừng này phân bố ở độ cao trên 700m ở miền Bắc, trên 1000m ở miền Nam, với lượng mưa trung bình năm 1200 - 2500mm, nhiệt độ trung bình 15-20°C; Phân bố tất cả các tỉnh vùng Tây Nguyên (Lâm Đồng, Kom Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai); Loài phổ biến là nhiều loài cây có chồi ngủ, thuộc họ Re, họ Chè, họ Ngọc lan, họ Sau sau, họ Nhân sâm, họ Đỗ quyên và nhiều loài địa lan quý.

+ Hệ sinh thái rừng lá rộng rụng lá: Thường phân bố ở độ cao dưới 700m ở miền Bắc và dưới 1000m ở miền Nam; Các loài ưu hợp thuộc họ Dầu, họ Bàng, họ Tử vi, họ Dâu tằm, họ Xoan, họ bồ hòn, họ Đậu, họ Trôm. Phân bố chủ yếu Đắk Lắk.

+ Rừng cây thưa lá rộng nhiệt đới (rừng khộp): Rừng khộp là kiểu rừng thưa cây lá rộng, rụng lá vào mùa khô, là hệ sinh thái độc đáo, hiếm có trên thế giới, phân bố chủ yếu ở một số nước Đông Nam Á, trong đó Việt Nam chiếm một phần rất lớn diện tích; Ở Việt Nam, rừng khộp phân bố tập trung ở Tây Nguyên và một số tỉnh thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ. Trong đó, Tây Nguyên là nơi có diện tích rừng khộp lớn nhất, tập trung chủ yếu ở Vườn quốc gia Yok Đôn và khu vực giáp ranh của hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông. Tuy nhiên hiện nay, rừng Khộp đang bị thu hẹp do việc khai thác gỗ bừa bãi, nạn phá rừng làm rẫy. Nạn cháy rừng cũng ảnh hưởng nghiêm trọng hệ sinh thái rừng khộp.

+ Hệ sinh thái tự nhiên tre nứa, cây bụi, trảng cỏ: là kiểu phụ thứ sinh hình thành trên đất rừng tự nhiên sau khai thác hoặc nương rẫy. Gồm các loài thuộc phân họ Tre, họ Hoà thảo. Phân bố rộng từ độ cao gần ngang mực nước biển tới nơi có độ cao 2000m, hình thành trên đất rừng tự nhiên sau khai thác hoặc nương rẫy, phân bố ở Đắk Lắk.

+ Hệ sinh thái rừng lá kim: Loài phổ biến chủ yếu là các loài thông, tầng dưới có một số loài cây họ dẻ như Thông Nhựa, Thông Ba lá, Thông Mã vĩ; tầng dưới có một số loài cây họ dẻ; phân bố chủ yếu ở Lâm Đồng và Gia Lai.

+ Hệ sinh thái rừng trồng: Tính đến năm 2020 hệ sinh thái rừng trồng Tây Nguyên khoảng 382.411 ha (chiếm 15% diện tích có rừng), rừng trồng chủ yếu là cây Keo; Hệ sinh thái rừng trồng chủ yếu đơn loài và có tính đa dạng sinh học thấp; Hệ sinh thái rừng trồng phân bố tại tất cả các tỉnh trong vùng Tây Nguyên.

---

<sup>5</sup> Bộ kế hoạch và đầu tư (2024), Báo cáo tổng hợp quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Hệ sinh thái thủy vực: Tây Nguyên có 4 con sông lớn chảy qua là sông Ba, Sông Sê San, sông Srêpôk (thuộc hệ thống sông Mê Kông) và sông Đồng Nai, một số nhánh sông tạo nên các hệ sinh thái thủy vực phong phú và đa dạng. Ngoài ra, trên địa bàn vùng có hệ sinh thái đất ngập nước đặc trưng là các hồ tự nhiên lớn như hồ Tuyền Lâm (Lâm Đồng), hồ Lắk (Đắk Lắk), Biển Hồ (Gia Lai), và các hồ nhân tạo lớn như thủy điện Yaly, hồ chứa thủy điện Pleikrông .... Và một số thác Dray Sáp, Trinh Nữ, Diêu Linh, Cam Ly, Pren.... đã tạo ra nhiều giá trị sinh thái và cảnh quan lớn cho vùng Tây Nguyên. Hệ sinh thái thủy vực vùng Tây Nguyên đã tạo ra hệ động, thực vật dưới nước khá phong phú và đa dạng.

- Hệ sinh thái nông nghiệp: Tính đến năm 2020 diện tích hệ sinh thái nông nghiệp khoảng 2.841.605,64 ha; Là hệ sinh thái do con người tạo ra, nó phân bố ở tất cả các địa phương trong vùng. Tây Nguyên có diện tích đất nông nghiệp lớn, màu mỡ, khí hậu ôn hòa nên cơ hội để phát triển nông nghiệp; Với thế mạnh có quỹ đất bazan tập trung thuận lợi lớn trồng các loại cây công nghiệp dài ngày như hồ tiêu, cà-phê, cao-su, chè,....

Nhờ hệ sinh thái phong phú, Khu dự trữ sinh quyển (DTSQ) Langbiang là nơi cư trú của 1.940 loài thực vật. Những loài đặc biệt quý hiếm có thể kể đến là: Thông hai lá dẹt (duy nhất trên thế giới chỉ có ở Bidoup - Núi Bà), Pơ mu, Thông đỏ, Thông năm lá Đà Lạt. Riêng họ lan có 297 loài, vì vậy Langbiang trở thành thủ phủ hoa lan của Việt Nam.

Vườn quốc gia Chư Mom Ray (tỉnh Kon Tum) với tổng diện tích 56.249,23 ha, nằm trên địa bàn huyện Sa Thầy và Ngọc Hồi (tỉnh Kon Tum) là nơi cư trú của nhiều loài động, thực vật, trong đó có nhiều loài quý hiếm được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam đang cần được bảo vệ và bảo tồn. Vườn quốc gia Chư Mom Ray không chỉ góp phần duy trì cân bằng sinh thái, gia tăng độ che phủ rừng mà còn là khu vực trọng yếu bảo đảm an ninh môi trường, an ninh biên giới và khu vực. Bên cạnh đó, việc khai thác các giá trị tài nguyên của hệ sinh thái rừng còn phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tham quan, du lịch sinh thái và phát triển kinh tế. Đây là khu bảo tồn thiên nhiên duy nhất của Việt Nam nằm ở ngã ba biên giới Đông Dương, phía Tây giáp Vương quốc Campuchia, phía Tây Bắc giáp Lào; có dãy núi Chư Mom Ray trùng điệp, nhiều sông suối, ao hồ, ghềnh thác... tạo nên tiềm năng lớn để cấu thành một vùng bảo tồn thiên nhiên hoang dã với hệ sinh thái điển hình của khu vực Đông Nam Á.

#### *d) Tài nguyên động vật khu vực Tây Nguyên:*

Tương tự như nguồn tài nguyên thực vật, các hệ sinh thái đa dạng phong phú của Tây nguyên là môi trường sống quan trọng cho các loài động vật. Theo Báo cáo tổng hợp quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho thấy

về động vật: có 525 loài động vật có xương sống trên cạn, trong đó 102 loài thú, 323 loài chim, 91 loài bò sát, ếch nhái và 70 loài cá nước ngọt.



Ảnh: Mang Trường Sơn *Muntiacus truongsonensis* Giao et al, 1998 - Ảnh: w. Robichaud

(Nguồn: <https://vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=1&img=1&ID=5589>)

Tây Nguyên có 32 loài quý hiếm có tên trong sách đỏ và có 17 loài được Hiệp hội bảo vệ thiên nhiên quốc tế (IUCN) xếp vào danh sách các loài động vật quý hiếm của thế giới cần được bảo vệ nghiêm ngặt như: Voi, Nai cà toong, Bò tót, Bò rừng, Bò xám, Báo, Hổ, Công, Chà vá chân xám, Chà vá chân nâu, Gấu ngựa, Mèo ri, Báo gấm, Khướu đầu đen má xám, Cây mực, Rùa núi viên, Gà tiền mặt đỏ, và nhiều loài chim đặc hữu...



Ảnh : Ếch cây cựa *Rhacophorus robertingeri* được ghi nhận vùng phân bố mới ở VQG Konkakinh - Ảnh: Phùng mỹ Trung

(nguồn: [https://vncreatures.net/all\\_vqg/mapckk.php](https://vncreatures.net/all_vqg/mapckk.php))

Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (được UNESCO công nhận) cũng là nơi cư trú của nhiều loài động vật được ghi nhận, tổng cộng có 89 loài thú, 247 loài chim, 46 loài bò sát, 46 loài lưỡng cư, 30 loài cá và 335 loài côn trùng. Các giá trị đa dạng sinh học nổi bật tại đây rất quan trọng và mang tính toàn cầu. Các nhà khoa học đã ghi nhận khu vực này có 153 loài động thực vật nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007) và 154 loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2010). Trong đó bao gồm 5 loài có nguy cơ tuyệt chủng

trên toàn cầu: hồ Đông Dương, Voọc đen, Vượn đen má vàng, Bò rừng bizon Ấn Độ và Khỉ lá vàng Đông Dương. Cơ quan bảo vệ động vật hoang dã thế giới (WWF) cũng đã xác định nơi đây là khu vực ưu tiên bảo tồn số 1 (Khu vực SA3) trong Chương trình bảo tồn các dãy núi chính Nam Trường Sơn của Việt Nam<sup>6</sup>

Tuy nhiên, các loại chim quý như công, trĩ sao, gà lôi hồng tía, gà tiền, cao cát đã bị săn bắt nhiều. Một số loài hiện này không thấy xuất hiện ở các khu rừng nguyên sinh. Do tác động của con người và rừng bị thu hẹp, môi trường sống bị biến đổi, nhiều loài chim và động vật hoang dã đã di cư đến nơi khác. Tuy nhiên số đàn chim ít ỏi còn lại vẫn tiếp tục bị đe dọa. Có thể thấy hệ động thực vật khu vực Tây nguyên đang có chiều hướng suy giảm mạnh, chịu tác động lớn từ các hoạt động của con người.

## **2.2. Đa dạng sinh học và môi trường sống của ĐVHD**

Có rất nhiều cách định nghĩa về đa dạng sinh học:

“Đa dạng sinh học là sự phong phú về nguồn gen, về giống, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên” (Luật Đa dạng sinh học 2008).

“Đa dạng sinh học là sự phong phú của mọi cơ thể sống có từ tất cả các nguồn trong hệ sinh thái trên cạn, ở biển và các hệ sinh thái dưới nước khác, và mọi tổ hợp sinh thái mà chúng tạo nên; Đa dạng sinh học bao gồm sự đa dạng trong loài (đa dạng di truyền), giữa các loài và các hệ sinh thái.” (Công ước đa dạng sinh học, 1992).

Đa dạng sinh học (Biodiversity) là sự giàu có, phong phú và đa dạng nguyên liệu di truyền, loài và các hệ sinh thái (Lê Trọng Cúc, 2002).

Đa dạng sinh học là tính đa dạng của sự sống dưới mọi hình thức, mức độ và mọi tổ hợp, bao gồm đa dạng gen, đa dạng loài và đa dạng hệ sinh thái . [FAO]

Sự đa dạng về sinh học hay đa dạng sinh học nói một cách ngắn gọn chính là sự đa dạng của sự sống trên Trái đất. Khái niệm bao gồm các loài thực vật, động vật và vi sinh vật trên cạn, ở sông hồ và biển. Đa dạng sinh học gồm 3 mức độ: loài, hệ sinh thái và thông tin di truyền/nguồn gen.

- *Động vật hoang dã (ĐVHD):*

Động vật hoang dã được quy định tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Bổ sung khoản 29 Điều 3 như sau:

---

<sup>6</sup> (PDF) Kon Ka Kinh Nation Park - An important Biodiversity Zone in the central highland, Vietnam. Available from: [https://www.researchgate.net/publication/308409202\\_Kon\\_Ka\\_Kinh\\_Nation\\_Park\\_-\\_An\\_important\\_Biodiversity\\_Zone\\_in\\_the\\_central\\_highland\\_Vietnam](https://www.researchgate.net/publication/308409202_Kon_Ka_Kinh_Nation_Park_-_An_important_Biodiversity_Zone_in_the_central_highland_Vietnam) [accessed Nov 19 2023].

Động vật hoang dã là những loài động vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- b) Loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- c) Loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES;
- d) Loài động vật rừng thông thường;

đ) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.<sup>7</sup>

Có khoảng 10 đến 30 triệu loài động vật, thực vật và vi sinh vật khác nhau sinh sống trên hành tinh của chúng ta, chúng sống trên cạn, trong lòng đất, vùng nước ngọt và biển khơi. Khoảng 2 triệu loài thực vật và động vật được biết tới và được mô tả. Hàng năm các nhà khoa học phát hiện được khoảng 15.000 loài mới. Một số loài phổ biến trên toàn Thế giới, còn số loài khác rất hiếm. Chẳng hạn như Úc là đất nước có nhiều loài chuột túi khác nhau, những loài mà chúng ta không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác trên Hành tinh. Nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng được ghi nhận chỉ sinh sống ở một khu vực duy nhất.

Đa dạng sinh học có rất nhiều giá trị trong đời sống của tự nhiên và của con người. Theo J. Mc Neely và nnk (1991) giá trị đó được thể hiện trong các khía cạnh sau:

- Các hệ sinh thái của Trái đất là cơ sở sinh tồn của sự sống cho cả Trái đất và cả con người. Các hệ sinh thái đảm bảo cho sự chu chuyển oxy và các nguyên tố dinh dưỡng khác trên toàn hành tinh. Chúng duy trì tính ổn định và sự màu mỡ của đất nói riêng hay của hành tinh nói chung. Các hệ sinh thái bị suy thoái thì tính ổn định và sự mềm dẻo; linh động của sinh quyển cũng bị thương tổn.

- Các hệ sinh thái tự nhiên có giá trị thực tiễn rất cao: Rừng hạn chế sự xói mòn của mặt đất và bờ biển, điều tiết dòng chảy, loại trừ các cặn bã làm cho dòng chảy trở nên trong và sạch; các bãi cỏ biển, các rạn san hô... ở thềm lục địa làm giảm cường độ phá hoại của sóng, dòng biển, là nơi nuôi dưỡng, cung cấp thức ăn và duy trì cuộc sống cho hàng vạn loài sinh vật biển.

- Duy trì và cung cấp nguồn gen và là kho dự trữ các nguồn gen quý - hiếm cho cây trồng và vật nuôi cho tương lai.

---

<sup>7</sup> Nghị định Số: 84/2021/NĐ-CP



- Nhiều loài động thực vật được sử dụng làm thức ăn cho con người, cho gia súc, làm thuốc, lấy gỗ làm nhà; phục vụ cho phát triển kinh tế, làm chất đốt lấy năng lượng, làm cây cảnh... Hiện tại, đã thống kê được 30.000 loài cây có những phần ăn được, nhưng chỉ mới khoảng 7.000 loài được trồng hoặc thu hái làm thức ăn, trong đó có 20 loài đã cung cấp đến 90% lượng tinh bột trên toàn thế giới.

- Sinh vật trong quá trình tiến hoá đã tồn tại và phát triển một cách bền vững và hài hoà với nhau, tạo nên một thiên nhiên đa dạng, phong phú và hấp dẫn, làm nền tảng cho mọi cảm hứng về thẩm mỹ, nghệ thuật và văn hóa của con người.

Với các vai trò và ý nghĩa như vậy, việc bảo tồn đa dạng sinh học được đặt ra, đó là cần bảo vệ sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện; bảo vệ môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của loài hoang dã, cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên; nuôi, trồng, chăm sóc loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ và bảo quản lâu dài các mẫu vật di truyền<sup>8</sup>. Bảo tồn đa dạng sinh học chính là việc bảo vệ môi trường sống của muôn loài, trong đó có động vật hoang dã.



Ảnh : Chà và chân đen - *Pygathrix nigripes* - Ảnh: Phùng Mỹ Trung

(Nguồn: <https://vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=1&img=1&ID=5520>)

Đa dạng sinh học cao tập trung chủ yếu tại các khu bảo tồn thiên nhiên. Tính hết năm 2020 vùng tây Nguyên có tổng 15 khu bảo tồn thiên đã được thành lập, với tổng diện tích 514.851,16 ha (chiếm 19% diện tích khu bảo tồn toàn quốc): bao gồm 06 vườn quốc gia, là vùng có tổng diện tích VQG lớn nhất cả nước (có tổng diện tích 361.525,39 ha, bao gồm Chư Mon Ray (Kon Tum); Kon Ka Kinh (Gia Lai); Yok Đôn (Đắk Lắk, Đắk Nông); Chư Yang Sin (Đắk Lắk); Bidoup núi Bà (Lâm Đồng) và Cát Tiên (Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước); Tà Đùng (Đắk Nông); có 05 khu bảo tồn thiên nhiên

<sup>8</sup> BCA, WWF, Đại học Stockholm, 2013, *Đa dạng sinh học; Biến đổi khí hậu và Bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại Việt Nam*, Hà Nội, Việt Nam

trong khu vực (diện tích 140.645,72 ha) đó là: KBTTN Ngọc Linh (Kon Tum), KBTTN Kon Chư Răng (Gia Lai), KBTTN Ea Sô (Đăk Lăk); , KBTTN Nam Kar (Đăk Lăk), KDTTN Nam Nung (Đăk Nông); có 02 khu bảo tồn loài –sinh cảnh (diện tích 666,78 ha) đó là: KBTL-SC Đăk Uy, Kon Tum và Ea Ral, Đăk Lăk ) và 02 khu bảo vệ cảnh quan với tổng diện tích 12.013,27 ha (hồ Lăk-Đăk Lăk, Thác Dray Sáp-Gia Long, Đăk Nông)<sup>9</sup>. Có thể nói đây chính là “ngôi nhà” cho các loài động vật, thực vật sinh sống.

Vườn quốc gia Chư Mom Ray được hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á công nhận là Vườn Di sản ASEAN. Chư Mom Ray có một khu hệ động, thực vật phong phú và đa dạng được đánh giá là vườn quốc gia có tính đa dạng sinh học cao nhất trong hệ thống các Vườn quốc gia trên cả nước. Tiếp đến là Vườn quốc gia Kon Ka Kinh nằm về phía đông bắc tỉnh Gia Lai, cách thành phố Pleiku khoảng 50km. Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh có tính đa dạng sinh học cao đại diện cho hệ sinh thái rừng nhiệt đới và á nhiệt đới điển hình, có những đặc thù sinh học độc đáo của vùng Cảnh quan Trung Trường Sơn, với một số cộng đồng thực vật và động vật nguyên vẹn nhất còn lại ở Việt Nam. Ngoài ra, Vườn Quốc gia còn là nơi cư ngụ của nhiều loài thú quý hiếm, trong đó có nhiều loài nằm trong sách đỏ, đặc biệt là loài Voọc chà vá chân xám - một trong những loài linh trưởng đẹp nhất thế giới. Kon Ka Kinh còn sở hữu loài chim độc đáo, được xem là biểu tượng của Vườn Quốc gia phong phú và độc đáo nằm giữa Đông và Tây Trường Sơn, đó là loài Khướu Kon Ka Kinh (hay còn gọi là Khướu tai hung). Với những giá trị đó vào ngày 18/12/2003, Vườn quốc gia Kon Ka Kinh đã được công nhận là vườn di sản ASEAN. Kon Ka Kinh là tên đỉnh núi cao nhất, được mệnh danh là “nóc nhà của tỉnh Gia Lai” với độ cao 1.748m so với mặt nước biển.

Vườn quốc gia Yok Đôn nằm ở 2 tỉnh Đăk Nông và Đăk Lăk. Với diện tích 115.545 ha, hệ sinh thái động thực vật đa dạng hàng đầu cả nước, chính vì vậy mà vườn quốc gia này được xếp vào loại A trong các khu bảo vệ có tầm quan trọng quốc tế. Vườn quốc gia Yok Đôn là vườn quốc gia duy nhất ở Việt Nam bảo tồn khu rừng khộp. Một kiểu rừng đặc trưng với các cây thuộc họ Dầu lá rộng có giá trị lớn đối với hệ sinh thái, khoa học, du lịch....đỉnh Yok Đôn cũng là ngọn núi cao nhất được chọn để đặt tên cho Vườn.

---

<sup>9</sup> Quy hoạch bảo tồn ĐDSH Quốc Gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050



Ảnh : Một góc vườn quốc gia Yok Đôn - Ảnh: [www.vncreatures.net](http://www.vncreatures.net)

Vườn Quốc gia Chư Yang Sin có diện tích 59.521,9 ha thuộc tỉnh Đắk Lắk là một trong các khu rừng nguyên sinh cổ xưa còn lại ở Việt Nam. Nằm ở điểm cuối cùng của dãy Trường Sơn thuộc khu vực Nam Tây Nguyên và là một phần của Vùng chim đặc hữu của Cao Nguyên Đà Lạt, Vườn Quốc gia Chư Yang Sin có hệ sinh thái thực vật đa dạng, độc đáo và có tính đặc hữu cao, được xem là mẫu chuẩn cho hệ sinh thái rừng ở Tây Nguyên.

Vườn Quốc gia Bidoup – Núi Bà thuộc địa giới hành chính Huyện Lạc Dương Tỉnh Lâm Đồng chiếm gần trọn cao nguyên Langbiang (còn gọi là cao nguyên Lâm Viên) có diện tích 70.038,45 ha. Nơi đây được các nhà khoa học đánh giá là một trong 221 trung tâm chim đặc hữu của thế giới và là một trong bốn trung tâm đa dạng sinh học của Việt Nam. Vườn quốc gia hội tụ các kiểu rừng kín thường xanh, rừng thưa cây lá kim, rừng hỗn giao lá rộng và lá kim á nhiệt đới, rừng lùn đỉnh núi, kiểu phụ rừng rêu... với thế giới động thực vật vô cùng phong phú và đặc sắc. Đặc biệt gần đỉnh cao nhất của vườn quốc gia có một cây pomu hiếm với tuổi đời gần 1.300 năm tuổi. Đỉnh Bidoup nằm ở độ cao 2.287m so với mực nước biển, đây chính là nóc nhà của toàn tỉnh Lâm Đồng, cao nguyên Lâm Viên.

Vườn Quốc gia Tà Đùng nằm trên địa bàn huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông có diện tích 20.937,7 ha, trong đó có 16.176,65 ha đất có rừng. Đây là khu vực có giá trị về đa dạng sinh học bậc nhất tỉnh Đắk Nông nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung với hơn 2.000 loài động, thực vật. Trong đó, có nhiều loài động vật, thực vật quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới, được ưu tiên bảo tồn như: báo hoa mai, vượn má hung, cu li nhỏ, mang lớn, gà lôi, công, niệc mỏ vàng, đặc biệt là vùng chim đặc hữu<sup>10</sup>.

---

<sup>10</sup> [https://vncreatures.net/all\\_vqg/map.php](https://vncreatures.net/all_vqg/map.php)

Việc thành lập các KBTTN đã giúp vùng Tây Nguyên khoanh định và giữ gìn được các khu có tính ĐDSH cao trước các tác động của con người. Bảo vệ đa dạng sinh học chính là bảo vệ môi trường sống của muôn loài trong đó có động vật hoang dã.

### **2.3. Sự biến đổi hệ sinh thái Tây Nguyên và những đe dọa đối với ĐVHD**

Hệ sinh thái là một trong những đối tượng chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Với các nguyên nhân từ mực nước biển dâng, lượng mưa thay đổi và nhiệt độ tăng (những biểu hiện của biến đổi khí hậu) có thể tạo ra những tác động bất lợi tiềm tàng đối với đa dạng sinh học. Do vậy, bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu là hai lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ.

Diễn biến đa dạng sinh học nói chung, các khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) đa dạng sinh học đang có chiều hướng suy giảm mạnh do chịu tác động lớn của con người.

Hiện nay, đa dạng loài và nguồn gen địa bàn vùng đang có xu hướng giảm mạnh: Suốt thời gian dài, tệ nạn săn bắn chim thú vẫn xảy ra liên tục ở tất cả các địa phương. Nhiều động vật quý hiếm bị tàn sát đã giảm số lượng đáng kể. Loài Bò xám là động vật cực kỳ quý chỉ có với số lượng ít ỏi ở Đông Dương. Trước đây loài động vật này sống phổ biến trong rừng Yok Đôn (Đắk Lắk) và Chư Mom Ray (Kon Tum) nhưng ngày nay không còn. Loài Heo vòi sau ngày giải phóng vẫn thấy xuất hiện tại khu rừng Chư Mom Ray, nhưng đến nay đã bị tuyệt chủng. Nai Cà toong trước đây sống khá phổ biến ở nhiều khu rừng, nay cũng biến mất khỏi Gia Lai và Kon Tum; Ở Đắk Lắk nai Cà toong chỉ còn số cá thể rất ít và số phận của loài động vật này đang tiếp tục bị đe dọa và cũng có nguy cơ bị tuyệt chủng. Cách đây không lâu, các loại hổ, báo, gấu sống ở nhiều khu rừng thuộc các vùng Kon Plông, Sa Thầy, Đắc Gle (Kon Tum), Chư Prông, K'bang, Krông Pa, Ia G'rai (Gia Lai), MĐ'rắc, Ea Súp, Buôn Đôn, Nam Kar, Nam Nung...(Đắk Lắk); Do săn bắn bừa bãi, những loại động vật quý hiếm này giảm số lượng khá lớn. Tại khu bảo tồn đa dạng sinh học Ea Sô (Đắk Lắk) đang tồn tại một số ít cá thể hươu đầm lầy, nhưng do tác động của con người, loại động vật quý hiếm này đã bị tuyệt chủng<sup>11</sup>

- *Nguyên nhân suy giảm ĐDSH:*

Áp lực gia tăng dân số và di cư tự do vào vùng Tây Nguyên: Giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm 1,2%; Từ 2015 đến 2020 có 40.616 hộ di cư tự do đến Tây Nguyên, tuy nhiên hiện nay còn khoảng 18.300 hộ, chiếm 45% chưa bố trí được chỗ ở ổn định, theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp năm 2020. Với việc gia tăng dân số đã tạo nên áp lực khai thác tài nguyên sinh vật, gia tăng chuyển đổi hệ sinh thái rừng sang đất sản xuất nông nghiệp và đất ở. Ngoài ra, địa bàn vùng với lượng

---

<sup>11</sup> Bộ kế hoạch và đầu tư (2024), Báo cáo tổng hợp quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, kết hợp dân di cư tự do lớn nên đời sống người dân còn nhiều khó khăn, kết hợp trình độ nhận thức về bảo vệ ĐDSH nói riêng và hệ sinh thái rừng còn rất thấp, tình trạng khai thác động thực vật hoang dã vẫn còn phổ biến; Chỉ riêng 5 tháng đầu năm 2020 đã phát hiện 417 vụ phá rừng, tăng 57 vụ (15,83%), gây thiệt hại 126,8ha rừng <sup>12</sup>

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất: Thời gian qua địa bàn vùng gia tăng chuyển đổi đất rừng sang đất nông nghiệp, cây công nghiệp; Với thế mạnh của vùng trồng cây công nghiệp lâu năm cà phê, cao su, điều, hồ tiêu; Thời kỳ 2011-2020 đã gia tăng chuyển đổi ồ ạt diện tích rừng sang trồng cây lâm nghiệp (diện tích hồ tiêu của vùng đã tăng thêm 64,8 nghìn ha, cao su tăng thêm 44,9 nghìn ha và cà phê tăng thêm 130 nghìn ha,...vv); Giai đoạn 2011-2020 đất nông nghiệp vùng Tây Nguyên tăng lên 179.190 ha<sup>13</sup>. Những điều này đã làm suy giảm diện tích hệ sinh thái rừng và suy giảm ĐDSH.

Phát triển kinh tế - xã hội: Trước áp lực phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua, với đặc điểm của vùng đầu nguồn các con sông lớn, có tiềm năng thủy điện, giai đoạn vừa qua vùng đã gia tăng xây dựng rất lớn số lượng nhà máy thủy điện (NMTĐ) hiện nay toàn vùng có khoảng 154 NMTĐ vừa và nhỏ <sup>14</sup>, gia tăng xây dựng NMTĐ thời gian qua đã làm mất nhiều diện tích rừng tự nhiên đầu nguồn các lưu vực sông, làm thay đổi hệ sinh thái các dòng sông. Ngoài ra, gia tăng xây dựng hạ tầng giai đoạn 2010 – 2020, diện tích đất dành cho xây dựng hạ tầng gia tăng 13,07 nghìn ha <sup>15</sup> (đặc biệt xây dựng hạ tầng giao thông) đã làm suy giảm đáng kể diện tích các hệ sinh thái rừng.

Với đặc trưng địa hình và khí hậu đã tạo ra vùng Tây Nguyên có nguồn ĐDSH phong phú. Đặc biệt có hệ sinh thái rừng Khộp đặc trưng và có nhiều nguồn gen đặc hữu đã tạo ra nhiều giá trị kinh tế cho vùng (giá trị cảnh quan đặc trưng HST rừng Khộp, Các loài quý hiếm như Voi, sâm Ngọc Linh, và nhiều cây thuốc quý hiếm, cây lương thực đặc trưng của vùng....vv). Tuy nhiên, ĐDSH đang có xu hướng suy giảm mạnh (HST rừng tự nhiên suy giảm mạnh, thay vào đó gia tăng rừng trồng, nhiều động thực vật quý hiếm đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng,...vv). Nguyên nhân, suy giảm ĐDSH của vùng trong thời gian qua chủ yếu do tác động của con người (Gia tăng dân số và di cư tự do vào vùng Tây Nguyên kéo theo gia tăng đất ở và đất sản xuất; chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất đặc biệt chuyển đất rừng sang cây công nghiệp; áp lực phát triển kinh tế gia tăng xây dựng nhà máy thủy điện, giao thông, phát triển du lịch, đô thị hóa,...).

---

<sup>12</sup> Báo qđnd.vn

<sup>13</sup> Báo cáo quy hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2021 - 2030

<sup>14</sup> Tổng hợp từ các báo cáo quy hoạch các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

<sup>15</sup> Báo cáo quy hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2021 - 2030

Tây Nguyên là một trong những vùng có tính đa dạng sinh học rất cao của Việt Nam, là địa bàn tập trung động vật hoang dã phong phú và giàu có nhất cả nước, trong đó có những loài quý hiếm được xếp vào danh sách bảo vệ của Việt Nam và thế giới. Khu vực này có 6 vườn quốc gia, 5 khu bảo tồn thiên nhiên, 2 khu bảo tồn loài và sinh cảnh, có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm. Tuy nhiên, suốt thời gian dài tình trạng săn bắt chim thú liên tục xảy ra, làm cho số lượng giảm đáng kể, có một số loài đặc biệt quý hiếm đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Đàn voi ở Đắk Lắk có số lượng nhiều nhất cả nước và được bổ sung thêm 4 con đưa từ Tánh Linh (Bình Thuận) lên. Ngoài voi, các động vật quý hiếm như Bò xám, Bò rừng, Bò tót, Trâu rừng, Nai cà toong, Hươu vàng, Hươu đầm lầy, Cheo cheo (hươu chuột), hổ, báo cùng một số loài chim quý như công, trĩ sao, gà lôi, gà tiền, cao cát, chim đuôi cụt (cụt xanh) phân bố khá nhiều ở Tây Nguyên. Đặc biệt, các khu rừng nguyên sinh Nam Kar (Lắk), Yor Đôn (Buôn Đôn), Ea Sô (Ea Kar), Cư Yang Sin (Krông Bông) của tỉnh Đắk Lắk, Kon Cha Răng và Kon Ka Kinh (K'bang) của tỉnh Gia Lai có đàn động vật hoang dã khá phong phú. Riêng đối với khu bảo tồn thiên nhiên Chư Mom Ray (Sa Thầy) thuộc tỉnh Kon Tum có đàn động vật hoang dã giàu có và phong phú vào bậc nhất của Việt Nam.

Sau hơn 30 năm, rừng các tỉnh Tây Nguyên bị khai thác quá mức, diện tích bị thu hẹp nhanh, độ che phủ rừng và chất lượng của rừng giảm. Hầu hết các khu rừng đều biến đổi và tính đa dạng sinh học bị suy giảm đáng kể. Suốt thời gian dài, tệ nạn săn bắn chim thú vẫn xảy ra liên tục ở tất cả các địa phương. Nhiều động vật quý hiếm bị tàn sát đã giảm số lượng đáng kể. Loại bò xám là động vật cực kỳ quý chỉ có với số lượng ít ỏi ở Đông Dương. Trước đây loại động vật này sống phổ biến trong rừng Yor Đôn (Đắk Lắk) và Chư Mom Ray (Kon Tum) nhưng ngày nay không còn. Ở Đắk Lắk nai Cà tong chỉ còn số cá thể rất ít và số phận của loài động vật này đang tiếp tục bị đe dọa và cũng có nguy cơ bị tuyệt chủng. Cách đây không lâu, các loại hổ, báo, gấu sống ở nhiều khu rừng thuộc các vùng Kon Plông, Sa Thầy, Đắc Glei (Kon Tum), Chư Prông, K'bang, Krông Pa, Ia G'rai (Gia Lai), MĐ'rắc, Ea Súp, Buôn Đôn, Nam Kar, Nam Nung...(Đắk Lắk). Do săn bắn bừa bãi, những loại động vật quý hiếm này giảm số lượng khá lớn. Tại khu bảo tồn đa dạng sinh học Ea Sô (Đắk Lắk) đang tồn tại một số ít cá thể hươu đầm lầy, nhưng do tác động của con người, loại động vật quý hiếm này đã bị tuyệt chủng.

Các loại chim quý như công, trĩ sao, gà lôi hông tía, gà tiền, cao cát đã bị săn bắt nhiều. Một số loài hiện này không thấy xuất hiện ở các khu rừng nguyên sinh. Do tác động của con người và rừng bị thu hẹp, môi trường sống bị biến đổi, nhiều loài chim và động vật hoang dã đã di cư đến nơi khác. Tuy nhiên số đàn chim ít ỏi còn lại vẫn tiếp tục bị đe dọa.

## **2.4. Phương pháp bảo tồn ĐVHD: bảo tồn môi trường sống, bảo tồn di truyền**

Bảo tồn ĐVHD bằng phương pháp bảo tồn môi trường sống (bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn hệ sinh thái) và bảo tồn giống loài (gen, di truyền). Các từ ngữ về bảo tồn được quy định trong luật đa dạng sinh học như sau:

*Bảo tồn đa dạng sinh học* là việc bảo vệ sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện; bảo vệ môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của loài hoang dã, cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên; nuôi, trồng, chăm sóc loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ và bảo quản lâu dài các mẫu vật di truyền.

*Bảo tồn tại chỗ* là bảo tồn loài hoang dã trong môi trường sống tự nhiên của chúng; bảo tồn loài cây trồng, vật nuôi đặc hữu, có giá trị trong môi trường sống, nơi hình thành và phát triển các đặc điểm đặc trưng của chúng.

*Bảo tồn chuyển chỗ* là bảo tồn loài hoang dã ngoài môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của chúng; bảo tồn loài cây trồng, vật nuôi đặc hữu, có giá trị ngoài môi trường sống, nơi hình thành và phát triển các đặc điểm đặc trưng của chúng; lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền trong các cơ sở khoa học và công nghệ hoặc cơ sở lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền.

Việc quản lý đa dạng sinh học trong các khu bảo tồn cần thiết phải chú trọng đến các vấn đề: xử lý các mối đe dọa đối với khu bảo tồn; quản lý nơi cư trú của loài; quản lý hoạt động của con người liên quan đến tài nguyên khu bảo tồn (R.P.Primack, 1999). “Không có cách quản lý khu bảo tồn nào là luôn luôn đúng hoặc sai. Việc áp dụng bất cứ một phương thức quản lý nào cũng phải dựa vào các đối tượng quản lý ở một địa điểm cụ thể. Chỉ khi đã xác định được các đối tượng quản lý thì các kết quả quản lý khoa học mới được áp dụng.” (Morris, 1971; dẫn theo R.P.Primack, 1999). Do vậy để xác định đối tượng bảo tồn (hệ sinh thái, loài, nguồn gen,...) trên cơ sở kết quả mô tả tính đa dạng sinh học làm cơ sở xây dựng các khu bảo tồn, cần tiếp tục các nghiên cứu cơ bản, cũng như phát triển hơn việc điều tra, giám sát đa dạng sinh học, tạo lập cơ sở dữ liệu hệ thống, thường xuyên được cập nhật,... phục vụ cho công tác quản lý bảo tồn và phát triển.

Theo kết quả báo cáo Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, việc xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao là khu vực tự nhiên có giá trị sinh học nổi bật hoặc quan trọng đối với tỉnh, vùng, quốc gia, quốc tế, cần được quản lý thích hợp để duy trì, phát triển bền vững và bảo tồn tại chỗ nhằm nâng cao các giá trị đã có, đáp ứng tiêu chí quy định.



Khu vực được xác định là khu vực ĐDSH cao cần đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí:

1. Có các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù hoặc đại diện cho khu vực hoặc vùng sinh thái;
2. Là nơi cư trú tự nhiên của các loài sinh vật, trong đó ít nhất một loài đặc hữu hoặc loài thuộc danh mục loài nguy cấp, bị đe dọa được ưu tiên bảo tồn;
3. Là nơi tập trung thường xuyên hoặc theo mùa của các loài sinh vật bản địa hoặc di cư có giá trị kinh tế ở các giai đoạn sinh trưởng khác nhau;
4. Giữ vai trò quan trọng trong phòng hộ, điều tiết khí hậu, môi trường, cân bằng sinh thái cho một vùng sinh thái của địa phương, liên tỉnh, quốc gia, quốc tế;
5. Có giá trị đặc biệt về cảnh quan, sinh thái nhân văn, lịch sử, văn hóa đối với địa phương, quốc gia, quốc tế.

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá theo các tiêu chí xác định khu vực ĐDSH cao, quy hoạch vùng Tây Nguyên xác lập khu vực ĐDSH cao trong thời kỳ 2021 - 2030 nhằm mục tiêu bảo vệ các HST tự nhiên quan trọng, bảo vệ nơi cư trú tự nhiên của các loài sinh vật, đặc biệt là các loài nguy cấp, bị đe dọa được ưu tiên bảo tồn. Thành lập mới 2 khu vực ĐDSH cao trong quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, đó là:

Khu vực 1: KVĐDSHC rừng kín thường xanh nhiệt đới Lâm Đồng

Vị trí: Huyện Lắk, Krông Bông tỉnh Đắk Lắk; các huyện Krông Nô, Đắk Glong tỉnh Đắk Nông; các huyện Bảo Lâm, Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng

Khu vực 2: KVĐDSHC rừng kín thường xanh nhiệt đới Đơn Dương, Lâm Đồng

Vị trí: Huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Mục tiêu: Bảo vệ các HST tự nhiên quan trọng, bảo vệ nơi cư trú tự nhiên của các loài sinh vật, đặc biệt là các loài nguy cấp, bị đe dọa được ưu tiên bảo tồn.

Chỉ tiêu bảo tồn ĐDSH: Với chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, đảm bảo các tiêu chí của Luật ĐDSH, phát huy tối đa tính kế thừa, duy trì tính ổn định của các hệ thống bảo tồn ĐDSH và quy hoạch bảo tồn ĐDSH theo quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2014 Thủ tướng Chính phủ và đáp ứng nhu cầu bảo tồn ĐDSH của các địa phương trên cả nước.

Bên cạnh việc bảo tồn môi trường sống cho các loài ĐVHD – là các vườn quốc gia, khu bảo tồn, các hệ sinh thái, việc quản lý bên ngoài các khu bảo tồn cũng cần được quan tâm và chú trọng. *“Nếu chúng ta không thể bảo vệ thiên nhiên bên ngoài các khu bảo tồn thì thiên nhiên cũng sẽ chẳng tồn tại bao nhiêu trong các khu đó”* (Western, 1989, dẫn theo R.P.Primack, 1999). Do vậy tính chất quyết định trong các chiến lược



bảo tồn là phải bảo tồn đa dạng sinh học một cách tổng hợp, chứ không chỉ quan tâm bảo vệ nghiêm ngặt ở các khu bảo tồn. Việc chỉ dựa vào các khu bảo tồn tạo ra tâm lý “vây hãm”, tức là chỉ có các loài hay quần xã trong phạm vi khu bảo tồn thì mới được bảo vệ nghiêm ngặt, trong khi chúng lại bị khai thác một cách tự do ở bên ngoài. Điều này sẽ dẫn đến hậu quả là nếu các khu vực lân cận khu bảo tồn bị suy thoái thì đa dạng sinh học bên trong khu bảo tồn cũng bị suy giảm.

## **2.5. Hiện trạng ĐVHD khu vực Tây Nguyên**

Các kết quả thống kê đã cho thấy sự đa dạng loài, khu hệ động vật khu vực Tây Nguyên là rất lớn, có ý nghĩa và giá trị nhiều mặt, không chỉ với Việt Nam mà còn đối với nguồn gen quý hiếm trên toàn thế giới. Tuy nhiên, số lượng các loài đã và đang bị suy giảm nhanh (con số thống kê được đưa ra phần tài nguyên động vật và suy giảm đa dạng sinh học). Nguyên nhân được cho là môi trường sống bị thu hẹp, các sinh cảnh của các loài ĐVHD bị khai thác, ngày càng bị suy giảm về diện tích và suy thoái về chất lượng.

Một danh sách đỏ được Phân viện giới thiệu gồm các loài động vật quý hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng như: Gấu ngựa, Vượn má hung, Sóc bay sao, Sói đỏ, Hồ, Báo Hoa maim Cây giông sọc... đến các loài mà trong tương lai có nhiều nguy cơ biến mất khỏi thế giới tự nhiên như: Sơn dương, Mèo gấm, Báo gấm, Beo lửa, Tê giác,... Một danh sách đỏ cũng được Bảo tàng giới thiệu, từ các loài đang nguy cấp (đang bị đe dọa tuyệt chủng) như Gấu ngựa, Mang lớn, Cây văn bắc, Vượn má hung, Sóc bay sao, Sói đỏ, Cây Giông sọc, Gấu chó, Hồ, Báo hoa mai,... đến các loài sẽ nguy cấp (có thể bị đe dọa tuyệt chủng) như Sơn dương, Cây mực, Mèo gấm, Báo gấm, Beo lửa, Rái cá vuốt bé, Kỳ đà nước, Vọc vá chân đen, Lửng lợn,... Các loại chim quý như công, trĩ sao, gà lôi hồng tía, gà tiền, cao cát đã bị săn bắt nhiều.

Do tác động của con người và rừng bị thu hẹp, môi trường sống bị biến đổi, nhiều loài chim và động vật hoang dã đã di cư đến nơi khác.

Các loài thú cần được bảo tồn gồm Vượn đen má hung Bắc (*Nomascus annamensis*), Chà vá chân xám (*Pygathrix cinerea*), Mang Trường Sơn (*Muntiacus truongsonensis*) - loài thú phát hiện lần đầu tiên tại Khu bảo tồn sông Thanh (Đăk Pring) và Mang Lớn (*Megamuntiacus vuquangensis*) - loài thú quý hiếm phát hiện lần đầu tiên ở Vũ Quang. Khu hệ chim ở Vườn quốc gia Kon Ka Kinh là một phần của vùng chim đặc hữu Bắc Tây Nguyên ở độ cao từ 1000 - 1700 m. Tại đây đã ghi nhận được 3 loài đặc hữu cho Việt Nam gồm: Khướu đầu đen (*Garrulax milleti*), Khướu mỏ dài (*Jabouilleia danjoui*), Khướu Kon Ka Kinh (*Garrulax konkakinhensis*) và bốn loài đặc hữu cho Việt Nam và Lào gồm: Khướu đầu xám (*Garrulax vassali*), Trèo cây mỏ vàng (*Sittasolangaie*), Gà lôi vằn (*Lophura nycthemera*) và Thầy chùa đít đỏ (*Megalaima*

lagrandieri); đã ghi nhận một loài phụ mới cho khoa học là Khướu cằm hung (*Garrulax rufogularis*). Đặc biệt có một loài chim mới phát hiện lần đầu tiên ở Kon Ka Kinh là loài Khướu Kon Ka Kinh (*Garrulax konkakinensis*). Khu hệ bò sát VQG Kon Ka Kinh có bốn loài đặc hữu cho vùng và cho Việt Nam, trong đó: Thằn lằn Buôn Lưới (*Sphenomorphus buonluoicus*) là loài đặc hữu cho vùng Nam Trường Sơn (Lào); ba loài đặc hữu cho Việt Nam: Thằn lằn đuôi đỏ (*Scincella rufocaudata*), Chàng Sapa (*Rana chapaensis*), Éch gai sần (*Rana verrucospinosa*).

Ngoài những loài mới phát hiện và những loài có giá trị đặc hữu nêu trên, hệ động vật rừng VQG Kon Ka Kinh còn có 26 loài thú, 9 loài chim và 12 loài lưỡng cư bò sát quý hiếm, có giá trị bảo tồn nguồn gen và nghiên cứu khoa học, được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới <sup>16</sup>.

## **2.6. Giải pháp bảo tồn, bảo vệ một số loài ĐVHD khu vực Tây Nguyên**

### **2.6.1. Giải pháp chung**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ môi trường – bảo vệ loài ĐVHD nói chung và một số loài ĐVHD khu vực Tây Nguyên nói riêng, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ nhằm tạo môi trường sống và phát triển của các loài sinh vật, đóng góp cho việc bảo tồn loài hoang dã, cũng như các loài nguy cấp, quý, hiếm;

Đối với khu vực Tây Nguyên, các khu vực cần bảo tồn bao gồm:

+ Hệ thống rừng đặc dụng (Vườn Quốc Gia và rừng nguyên sinh): Vườn Quốc Gia Chư Mom Ray; rừng đặc dụng Đắk Uy; Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh (tỉnh Kon Tum); Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng (tỉnh Gia Lai); Vườn Quốc Gia Yok Đôn; Vườn Quốc Gia Chư Yang Sin (tỉnh Đắk Lắk); Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung; Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng (tỉnh Đắk Nông); Vườn Quốc Gia Cát Tiên; Khu bảo tồn thiên nhiên Bidoup (tỉnh Lâm Đồng). Các khu vực bảo tồn này cần tuân thủ ranh giới và quy định quản lý của Chính Phủ.

+ Hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn cần quản trị tài nguyên rừng theo phương thức tiếp cận cảnh quan đối với rừng phòng hộ Tây Nguyên.

Khuyến khích nhân dân tham gia bảo vệ động, thực vật, đặc biệt là các loài quý hiếm, có nguy cơ bị tiêu diệt;

---

<sup>16</sup>[https://www.researchgate.net/publication/308409202\\_Kon\\_Ka\\_Kinh\\_Nation\\_Park\\_-\\_An\\_important\\_Biodiversity\\_Zone\\_in\\_the\\_central\\_highland\\_Vietnam](https://www.researchgate.net/publication/308409202_Kon_Ka_Kinh_Nation_Park_-_An_important_Biodiversity_Zone_in_the_central_highland_Vietnam) [accessed Nov 19 2023].

Xây dựng một số khu nhân nuôi với một số loài quý mà quần thể của nó không đủ số lượng cá thể, nơi cư trú bị thu hẹp.

Xây dựng các chiến lược về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học của vùng, khu vực,

Ban hành nhiều bộ luật quan trọng trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên như: Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Luật Thủy sản; Luật ĐDSH...

Khuyến khích việc bảo vệ các hệ sinh thái, sinh cảnh tự nhiên và duy trì các quần thể đủ lớn để các loài có thể tồn tại trong môi trường tự nhiên.

Đẩy mạnh phát triển bền vững và toàn vẹn môi trường ở các vùng xung quanh các khu bảo vệ.

Phục hồi các hệ sinh thái đã xuống cấp, xúc tiến việc phát triển lại các loài đang bị đe dọa tuyệt chủng.

Ngăn chặn việc du nhập, kiểm soát hoặc loại bỏ các loài có nguồn gốc ngoại lai có thể đe dọa hệ sinh thái, sinh cảnh hay các loài bản địa.

Kiểm soát ô nhiễm môi trường để tạo điều kiện cho sinh vật phát triển bền vững.

Thực hiện lồng ghép chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học vào các lớp tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các nhóm đối tượng là cán bộ chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, cộng đồng tham gia vào công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

Chương trình bảo tồn loài Chà vá chân xám tại VQG Kon Ka Kinh – một nghiên cứu trường hợp:

Chương trình được triển khai từ năm 2004, được thực hiện bởi một nhóm nghiên cứu trẻ, chủ nhiệm chương trình là TS. Hà Thăng Long với mục tiêu nghiên cứu về đặc điểm phân bố, sinh thái, sinh học và xây dựng chương trình bảo tồn loài voọc Chà vá chân xám, loài linh trưởng quý đặc hữu và quý hiếm, chỉ có ở Việt Nam. Voọc Chà vá chân xám có tên khoa học *Pygathrix cinerea*, được xếp bậc E (Endangered - loài nguy cấp) trong sách đỏ Việt Nam và xếp loại bậc CR (Critically endangered) - loài cực kỳ nguy cấp trong sách đỏ thế giới. Đặc biệt loài thú linh trưởng này còn được liệt vào danh sách “25 loài thú linh trưởng có nguy cơ bị tuyệt chủng cao nhất trên thế giới”. Loài này phân bố hẹp ở 5 tỉnh trong khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên (từ Quảng Nam đến Gia Lai) của Việt Nam, ngoài ra không còn phân bố ở khu vực nào khác trên thế giới. Tuy nhiên do áp lực của săn bắn và hậu quả của việc khai thác tài nguyên rừng quá mức nên số lượng quần thể của loài suy giảm nghiêm trọng trong những năm vừa qua. Vùng phân bố của loài voọc Chà vá chân xám ngày càng bị thu hẹp và trở nên phân tán, tách biệt. Trong đó Vườn quốc gia Kon Ka Kinh là một trong những điểm phân bố đặc

trung và quan trọng của loài, chiếm đến ¼ số lượng cá thể của loài. Mới chỉ được mô tả bởi nhà linh trưởng học người Đức Tilo Nadler từ năm 1997 nên thông tin khoa học về loài còn rất hạn chế. Để cung cấp các thông tin khoa học về loài và phục vụ cho công tác bảo tồn loài ở Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, chương trình đã thực hiện các nghiên cứu dài hạn: (1) Nghiên cứu đặc điểm sinh thái của loài từ năm 2006 - 2009, (2) Nghiên cứu về sinh thái dinh dưỡng của loài từ năm 2009 - 2010, (3) Nghiên cứu đánh giá phân bố và mật độ của loài trên toàn Vườn 2010 - 2011. Kết quả cho thấy, ở Kon Ka Kinh có khoảng 250 cá thể voọc chà vá sinh sống. Chúng phân bố chủ yếu ở rừng kín thường xanh, mưa ẩm á nhiệt đới núi thấp và rừng kín hỗn giao lá rộng, lá kim mưa ẩm á nhiệt đới núi thấp ở độ cao từ 1000 - 1600m so với mực nước biển. Chà vá chân xám thường sống thành đàn (đàn cơ sở) trong đó có một con đực duy nhất làm trưởng đàn cùng với 5 - 6 con cái trưởng thành và các con con của chúng. Các đàn cơ sở có thể nhập lại thành đàn lớn hơn. Kích thước đàn lớn nhất quan sát thấy lên đến 88 cá thể. Thức ăn của voọc Chà vá chân xám ở Kon Ka Kinh khá đa dạng, cho đến nay, nhóm nghiên cứu đã xác định được 285 loài cây thuộc 46 họ. Thành phần thức ăn chủ yếu của chúng là lá và quả, thi thoảng chúng còn ăn hoa, cuống lá và cành non. Quần thể voọc tại VQG Kon Ka Kinh được kiểm soát chặt chẽ qua việc tuần tra giám sát của lực lượng kiểm lâm dưới sự hỗ trợ của chương trình bảo tồn voọc Chà vá chân xám tại VQG. 1/3 số trạm kiểm lâm đã được chương trình hỗ trợ giám sát, trong thời gian tới sẽ hỗ trợ tất cả các trạm tuần tra giám sát để bảo vệ loài voọc Chà vá chân xám này hiệu quả hơn.

### ***2.6.2. Một số biện pháp giáo dục bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên trong các cơ sở giáo dục***

Một giải pháp cũng hết sức hữu hiệu là tăng cường giáo dục bảo vệ ĐVHD ngay trong các cơ sở giáo dục ở các địa bàn thuộc khu vực Tây Nguyên. Nhà trường cần triển khai các phương thức giáo dục đồng bộ để cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng và nâng cao năng lực cho GV và HS, để mỗi cá nhân trở thành những tuyên truyền viên tích cực trong các hoạt động giáo dục BVĐVHD khu vực Tây Nguyên.

Một số biện pháp cụ thể là:

- a) Xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên, nhằm cung cấp cho CBQL và GV một số phương thức tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD trong các nhà trường PT khu vực Tây Nguyên và những hướng dẫn cụ thể để triển khai trong thực tiễn
- b) Biên soạn tài liệu về “Giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên” trình bày một số kiến thức cơ bản về bảo vệ ĐVHD; giới thiệu một số loài ĐVHD đặc trưng của Tây Nguyên và giải pháp bảo vệ một số loài ĐVHD ở Tây Nguyên.
- c) Tổ chức tập huấn giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên nhằm cung cấp kiến thức và nâng cao năng lực tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục

bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên (tích hợp vào nội dung giáo dục địa phương và hoạt động trải nghiệm trong chương trình).

- d) Thiết kế và tổ chức các hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD ở Tây Nguyên, tăng cường các kênh truyền thông nhằm lan toả mô hình và các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD ở Tây Nguyên trong các nhà trường
- e) Phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD ở Tây Nguyên, tăng cường các hoạt động trải nghiệm tại các khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu du lịch,... nhằm giáo dục ý thức trách nhiệm về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD của HS.

## PHẦN 3

# GIAO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ KHU VỰC TÂY NGUYÊN

### 3.1. Mục tiêu giáo dục bảo vệ động vật hoang dã khu vực Tây Nguyên

#### 3.1.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan

**Giáo dục:** Là hoạt động truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm của lịch sử loài người từ thế hệ trước sang thế hệ sau. Trong quá trình sống, con người không ngừng lĩnh hội, tích lũy kinh nghiệm để tham gia vào đời sống, tồn tại và phát triển hơn.

**Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã:** Là một quá trình thông qua các hoạt động giáo dục nhằm cung cấp cho người học sự hiểu biết về môi trường tự nhiên và động vật hoang dã; hình thành thái độ, hành vi tích cực tham gia vào các hoạt động chăm sóc, bảo vệ các loài động vật hoang dã và môi trường sống của chúng.

**Mục tiêu giáo dục bảo vệ động vật hoang dã:** nhằm nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi bảo vệ động vật hoang dã cho mỗi cá nhân; thúc đẩy động lực và tăng cường hợp tác, cam kết hành động của mỗi cá nhân, tổ chức; góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra trong việc bảo tồn động vật hoang dã hiện tại và phòng ngừa các mối đe dọa đến sự tồn tại của các loài động vật hoang dã.

**Mục tiêu giáo dục bảo vệ động vật hoang dã khu vực Tây Nguyên:** nâng cao nhận thức và năng lực tổ chức các hoạt động GD BVĐVHD phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tiễn tại các địa phương ở khu vực Tây Nguyên, giúp HS hình thành và phát triển năng lực bảo vệ ĐVHD và có ý thức tích cực tham gia các hoạt động hữu ích để bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.

#### 3.1.2. Mục tiêu giáo dục bảo vệ động vật hoang dã khu vực Tây Nguyên theo cấp học

##### 3.1.2.1. Mục tiêu giáo dục bảo vệ ĐVHD đối với cấp tiểu học

###### a. Về năng lực:

- Nêu được thế nào là ĐVHD, phân biệt các loài ĐVHD
- Biết và mô tả được đặc điểm một số loài ĐVHD khu vực Tây Nguyên
- Trình bày được một số biểu hiện về thực trạng ĐVHD và môi trường sống khu vực Tây Nguyên.
- Nêu được một số biện pháp cần tiến hành để bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.
- Có kĩ năng và hành động phù hợp với lứa tuổi trong việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

###### b. Về phẩm chất:

- Biết quyết định đúng đắn khi đối mặt với mỗi tình huống bảo vệ ĐVHD trong cuộc sống

- Có hứng thú và quan tâm tìm hiểu về vấn đề bảo vệ ĐVHD phù hợp với lứa tuổi.
- Có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động góp phần bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

### 3.1.2.2. Mục tiêu giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS THCS

#### a. Về năng lực

- Trình bày được khái niệm ĐVHD, phân biệt các loài ĐVHD, vai trò của ĐVHD đối với hệ sinh thái khu vực Tây Nguyên.
- Mô tả được đặc điểm cơ bản của một số loài ĐVHD và môi trường sống ở khu vực Tây Nguyên.
- Nhận diện một số biểu hiện về thực trạng ĐVHD khu vực Tây Nguyên, phân tích một số nguyên nhân dẫn đến việc cần bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.
- Biết các biện pháp cần tiến hành để bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.
- Có kỹ năng cơ bản về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên trong mỗi tình huống cụ thể.
- Có những hành vi phù hợp trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên

#### c. Về phẩm chất:

- Hứng thú và có nhu cầu tự tìm hiểu về những nội dung liên quan đến bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên, đồng thời biết động viên người khác cùng tìm hiểu các vấn đề có liên quan.

- Hình thành cách nghĩ, lối sống có trách nhiệm với bản thân, bè bạn, gia đình và cộng đồng trong việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

### 3.1.2.3. Mục tiêu giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS THPT

#### b. Về năng lực

- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số loài ĐVHD và môi trường sống ở khu vực Tây Nguyên.
- Phân tích được thực trạng và một số nguyên nhân dẫn đến việc cần bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.
- Biết các biện pháp cần tiến hành để bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.
- Có kỹ năng cơ bản về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên trong mỗi tình huống cụ thể.
- Có những hành vi phù hợp trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên

- Có kỹ năng hợp tác, phối hợp với cộng đồng trong việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

#### c. Về phẩm chất:

- Hứng thú và có nhu cầu tự tìm hiểu về những nội dung liên quan đến bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên, đồng thời biết động viên người khác cùng tìm hiểu các vấn đề có liên quan.

- Có ý thức, tinh thần vì cộng đồng, có thái độ ứng xử đúng mực, nhân văn trong các tình huống bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

### **3.2. Nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã khu vực Tây Nguyên cho HS phổ thông**

#### **3.2.1. Nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD đối với cấp tiểu học**

##### **3.2.1.1. Nhận thức về ĐVHD**

- HS tiểu học cần được cung cấp những kiến thức ban đầu, sơ giản về ĐVHD, có thể qua một số dấu hiệu cụ thể để các em có những cảm nhận một cách trực quan về ĐVHD. GV có thể hướng dẫn HS quan sát thực tế cuộc sống xung quanh và qua các phương tiện truyền thông để hình thành nhận thức về ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên.

- Để hình thành những hiểu biết của HS về thực trạng ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên, GV cần hướng dẫn các em nhận ra được những biểu hiện dễ thấy về thực trạng ĐVHD ở môi trường xung quanh, qua đó nhận biết một số nguyên nhân dẫn đến nguy cơ đối với các loài ĐVHD khu vực Tây Nguyên và những việc cần làm để bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

##### **3.2.1.2. Kỹ năng bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên**

- GV hướng dẫn HS những kỹ năng cơ bản, cần thiết, phù hợp với lứa tuổi để giúp các em có những hành vi đúng đắn trong việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.. Trong đó chú ý đến kỹ năng quan sát, ra quyết định phù hợp; kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ và phối hợp cộng đồng. Các kỹ năng cần được vận dụng phù hợp với môi trường sống của các em.

- Có thể thông qua việc tổ chức một số hoạt động tập thể, giúp HS vận dụng các kỹ năng đã biết vào các tình huống giả định để có được những quyết định và hành động đúng đắn nhất trước mỗi tình huống xảy ra trong thực tế.

#### **3.2.2. Nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS trung học (THCS và THPT)**

##### **3.2.2.1. Nhận thức về ĐVHD, thực trạng về ĐVHD khu vực Tây Nguyên**

- HS cần được cung cấp những kiến thức cơ bản về ĐVHD và ĐVHD khu vực Tây Nguyên. GV có thể hướng dẫn HS tìm các thông tin để hiểu những nét khái quát và những nội dung cơ bản của khái niệm ĐVHD, huy động các kiến thức đã học trong các môn học ở nhà trường và trải nghiệm thực tế cuộc sống để hình thành nhận thức về ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên.

- Để hình thành những hiểu biết của HS về thực trạng ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên, cần hướng dẫn các em nhận ra được những biểu hiện và nguy cơ về ĐVHD đang hiện hữu ở môi trường xung quanh các em. Có thể hướng dẫn các em tìm những



thông tin về ĐVHD ở địa phương qua trải nghiệm thực tế và qua các phương tiện thông tin (truyền hình, sách báo, đài,...). Qua đó, bước đầu giúp HS nhận thức được vai trò của ĐVHD ảnh hưởng đến cuộc sống của tất cả mọi người trên trái đất này.

### *3.2.2.2. Nguyên nhân và hậu quả của việc huỷ hoại các loài ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên*

- HS cần vận dụng các kiến thức đã học ở nhà trường cùng những trải nghiệm của cá nhân để lí giải được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng các loài ĐVHD đang ngày bị suy giảm. Với HS tiểu học, có thể hướng dẫn HS nhận biết về nguyên nhân của hiện tượng suy giảm số lượng ĐVHD qua những biểu hiện thường ngày. Với HS THCS và THPT, có thể vận dụng những kiến thức về vật lí, sinh học, địa lí,... và những hiểu biết xã hội để lí giải nguyên nhân của các hiện tượng trên. Trong những nguyên nhân, cần hướng dẫn để HS nhận ra nguyên nhân cơ bản nhất chính là do những hành động bất cẩn của chính con người, xuất phát từ những lợi ích cá nhân đã huỷ hoại các loài ĐVHD.

- Từ đó, HS nhận ra được những hậu quả của việc huỷ hoại các loài ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên, nhận biết những tác động của việc huỷ hoại này đến môi trường tự nhiên và mọi lĩnh vực của đời sống XH, trong đó có sự tác động trực tiếp đến cuộc sống của các em. GV cần hướng dẫn để HS hiểu ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên không phải chỉ gồm những loài ĐV quý hiếm, sống ở rừng sâu, mà bao gồm cả những loài ĐV sống gần gũi với con người như chim, chồn, sóc,... Để thấy sự tận diệt ĐVHD sẽ làm mất đi sự cân bằng của hệ sinh thái ở môi trường sống xung quanh.

### *3.2.2.3. Các giải pháp bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên*

- Có thể thông qua một số tình huống diễn ra trên thực tế và qua những kiến thức được trang bị, HS suy nghĩ, tìm ra các giải pháp để bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên. Cần hướng dẫn các em suy nghĩ đến những giải pháp cụ thể, thiết thực mà mỗi cá nhân và cộng đồng xung quanh mình có thể thực hiện được để bảo tồn, bảo vệ ĐVHD tại địa phương của mình.

- Từ đó hướng dẫn HS tìm đọc qua sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng để tìm hiểu những giải pháp đã và đang được triển khai ở địa phương và đất nước trong việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD, vận dụng những hiểu biết đó để triển khai vào các tình huống thực tế đang diễn ra trong môi trường sống của HS.

### *3.2.2.4. Kỹ năng bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên*

- GV cần hướng dẫn HS hình thành những kỹ năng cơ bản, cần thiết nhất để giúp các em có những hành vi đúng đắn trong việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên. Trong đó chú ý đến kỹ năng suy nghĩ, ra quyết định phù hợp; kỹ năng hành động đúng đắn, tích cực; đặc biệt là kỹ năng hợp tác và phối hợp cộng đồng. Tuy nhiên không

phải là những kỹ năng chung chung mà phải được vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế.

- Có thể thông qua việc tổ chức một số hoạt động tập thể, giúp HS vận dụng các kỹ năng đã biết vào các tình huống giả định để có được những quyết định và hành động đúng đắn nhất trước mỗi tình huống xảy ra trong thực tế. Tiếp tục xây dựng và triển khai đồng bộ chương trình giáo dục kỹ năng sống, trong đó có những kỹ năng thiết thực giúp học sinh chủ động ứng phó với những tình huống các em có những hành vi đúng đắn trong việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên. Cần dạy các em biết ý thức về những giá trị sống, biết thực hành vận dụng có hiệu quả những kỹ năng ấy.

### **3.3. Các con đường giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS tiểu học và trung học**

Trong nhà trường phổ thông, việc giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS có thể được thực hiện thông qua các con đường chủ yếu sau:

#### *3.3.1 Giáo dục thông qua việc lồng ghép, tích hợp vào các môn học có tiềm năng*

Trước hết, việc giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS có thể được thực hiện thông qua con đường lồng ghép, tích hợp vào một số môn học có tiềm năng như:

- Môn Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lí; Đạo đức; Tiếng Việt; HĐTN ở Tiểu học.

- Môn Khoa học tự nhiên; Lịch sử và Địa lí; Giáo dục công dân; Ngữ văn; Công nghệ; Tiếng Anh; HĐTN, HN ở THCS.

- Môn Ngữ văn; Tiếng Anh; Giáo dục kinh tế và pháp luật; Địa lí; Sinh học; HĐTN, HN ở THPT

Mỗi môn học này có tiềm năng riêng trong việc lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS ở khu vực Tây Nguyên. Việc lồng ghép, tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS qua các môn học, cụ thể là qua các chương/bài của các môn học có thể được thực hiện với các mức độ khác nhau:

- Tích hợp toàn phần (mức độ cao nhất)
- Tích hợp một số đơn vị tri thức (mức độ trung bình)
- Liên hệ (mức độ thấp)

Việc lồng ghép, tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS qua các môn học cần được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Lồng ghép, tích hợp phải hợp lý, nhuần nhuyễn và đúng địa chỉ, phù hợp với nội dung, tính chất từng môn học/chương/phần/bài; tránh lồng ghép, tích hợp một cách tràn lan, hình thức, kém hiệu quả.
- Việc lồng ghép, tích hợp phải đảm bảo đúng mức độ, đúng thời điểm, với thời lượng hợp lý, không được làm quá tải hoặc biến dạng môn học, bài học.

Bằng con đường này, việc giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS có những ưu điểm và hạn chế sau:

- Thuận lợi:

+ HS được giáo dục thường xuyên trong các giờ học chính khóa, từ nhiều góc độ khác nhau, với nhiều mức độ khác nhau;

+ Góp phần làm tăng tính thực tiễn của môn học; góp phần làm cho việc học tập các môn học trở nên gần gũi, thiết thực với HS.

- Hạn chế:

+ Kiến thức, kỹ năng về bảo vệ ĐVHD không được chuyển tải đến HS một cách có hệ thống;

+ Việc lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS có thể bị thực hiện một cách tràn lan, khiên cưỡng, không hợp lý, có thể làm quá tải hoặc biến dạng môn học, nếu năng lực GV hạn chế; hoặc có thể bị bỏ qua, không được thực hiện nghiêm túc, nếu GV thiếu ý thức.

### *3.3.2. Giáo dục thông qua dạy học các môn học/chủ đề/nội dung tự chọn*

Việc giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS Tiểu học và Trung học còn có thể được thực hiện thông qua việc dạy học các môn học/chủ đề/nội dung tự chọn ở mỗi cấp học. Bằng con đường này, những HS có hứng thú, có nhu cầu, có khả năng sẽ được học các kiến thức, kỹ năng về bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên một cách bài bản, hệ thống. Tuy nhiên, con đường này cũng có mặt hạn chế, khi một bộ phận HS không lựa chọn chủ đề/nội dung tự chọn này sẽ không có điều kiện để tiếp cận với các kiến thức, kỹ năng cần thiết, phù hợp với lứa tuổi về bảo vệ ĐVHD.

### *3.3.3. Giáo dục thông qua các hoạt động giáo dục*

Cùng với hoạt động dạy học, các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường có nhiều thuận lợi trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS khu vực Tây Nguyên, do:

- Việc tổ chức các chủ đề riêng, có hệ thống về giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS qua các hoạt động GD là rất thuận lợi. Hình thức tổ chức có thể là: cuộc thi, diễn đàn, giao lưu, câu lạc bộ, ... theo quy mô khối lớp hoặc toàn trường.

- Với tính chất mở, linh hoạt cả về nội dung, hình thức, lực lượng giáo dục tham gia tổ chức/điều khiển hoạt động, quy mô, thời điểm, thời lượng, địa điểm tổ chức hoạt động, việc tổ chức giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên qua các hoạt động GD sẽ dễ tổ chức hơn, phù hợp với nhu cầu giáo dục của HS hơn, do vậy sẽ có sức lôi cuốn, hấp dẫn HS hơn.

- Qua các hoạt động GD HS được trải nghiệm, thực hành, thể hiện trách nhiệm bản thân trong việc góp phần bảo tồn, bảo vệ ĐVHD.

### *3.3.4 Giáo dục thông qua hoạt động Đoàn, Đội*

Hoạt động của tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường PT đóng vai trò quan trọng và có nhiều lợi thế trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS, bởi vì:

- Có trách nhiệm trong việc bảo vệ ĐVHD là yêu cầu của người Đội viên, Đoàn viên. Giáo dục bảo vệ ĐVHD là phù hợp với mục đích, nội dung hoạt động Đoàn, Đội.

- Qua hoạt động Đoàn, Đội, HS được tạo cơ hội để thực hành, rèn luyện các kỹ năng và tham gia tích cực vào các hoạt động thực tiễn nhằm góp phần hạn chế, giảm nhẹ tình trạng suy giảm ĐVHD ở địa phương.

- Với các hình thức hoạt động Đoàn, Đội đa dạng, phong phú, sinh động, việc giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS được thực hiện một cách nhẹ nhàng, vui tươi, hấp dẫn, phù hợp với lứa tuổi các em.

### *3.3.5. Giáo dục thông qua các hoạt động phối hợp cộng đồng*

Các lực lượng ở địa phương như Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hạt/ Trạm kiểm lâm, phòng môi trường... có vai trò đặc lực trong quá trình tổ chức các hoạt động GD BVMT dựa vào cộng đồng. Các hoạt động giáo dục này đòi hỏi HS phổ thông phải được tiếp xúc trực tiếp với môi trường học tập. Sự phối hợp các lực lượng giáo dục trên tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai các kế hoạch GD BVMT của nhà trường cho HS. Môi trường học tập ở cộng đồng là rất phong phú, HS không chỉ được trải nghiệm trong lớp học, trong trường học mà còn ở ngoài lớp (gia đình, trong môi trường tự nhiên, xã hội, thôn xóm). Do đó, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường có vai trò phối hợp quan trọng trong việc tạo thuận lợi về địa điểm, mức độ an toàn khi tổ chức cho HS tham gia học tập dựa vào trải nghiệm ở cộng đồng. Ngoài ra, các lực lượng xã hội cũng có thể đóng góp, hỗ trợ cho nhà trường về phương tiện vận chuyển, kinh phí, người hướng dẫn... khi nhà trường hoặc GV tổ chức cho các em HS phổ thông ở những nơi công cộng, khu sinh thái, khu bảo tồn,...

Tóm lại, việc giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho HS Tiểu học và Trung học có thể được thực hiện thông qua nhiều con đường. Mỗi con đường đều có những mặt tích cực và hạn chế riêng. Mỗi nhà trường có thể và cần lựa chọn những hình thức thuận lợi, phù hợp để việc giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên được hiệu quả.

## **3.4. Định hướng tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã vào Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**

### ***3.4.1. Mô hình tích hợp***

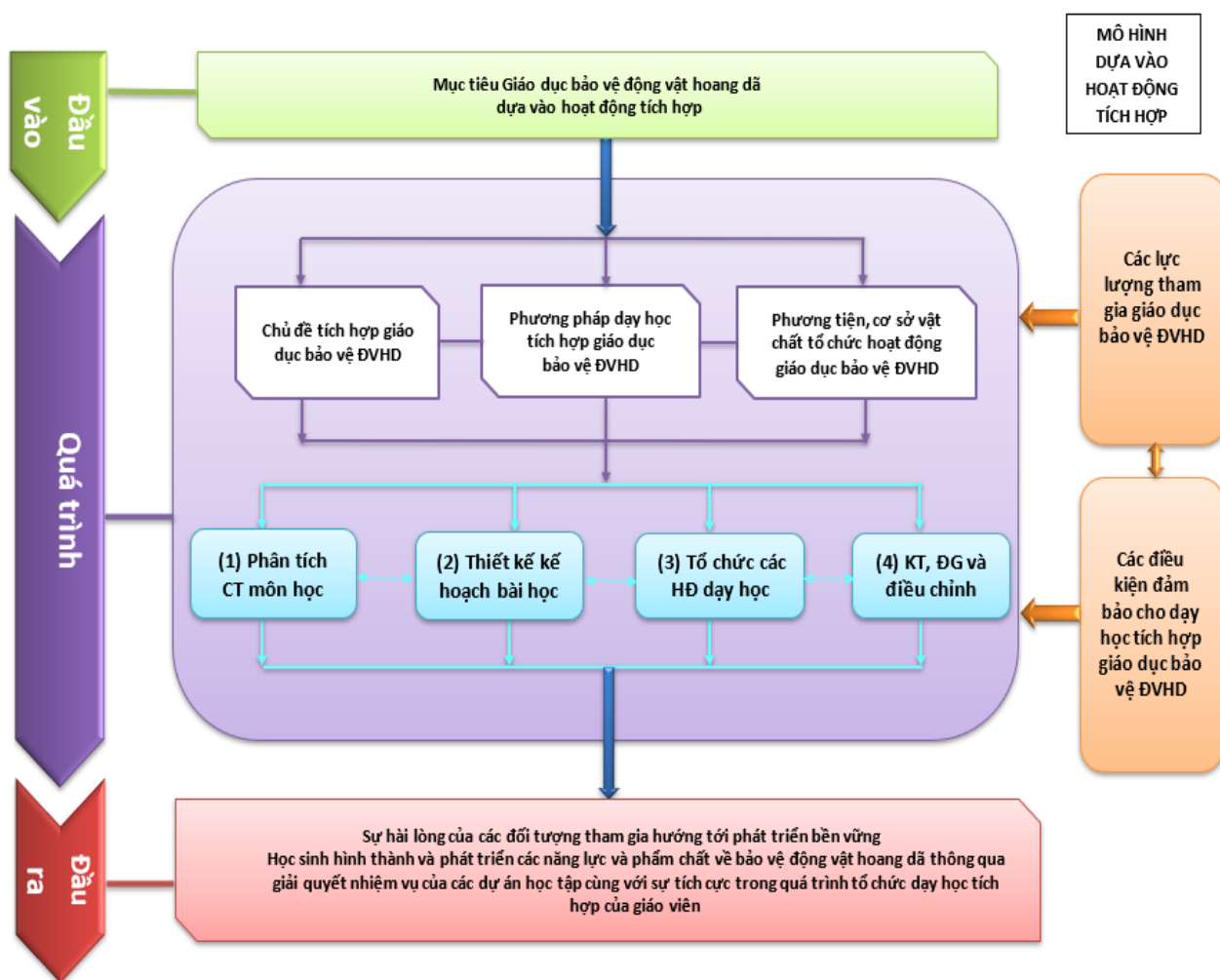
Chương trình GDPT 2018 được xây dựng và triển khai với mục tiêu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cho HS, do vậy, việc tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên vào các môn học và HĐGD là thuận lợi và khả thi. Tùy đặc điểm nội dung môn học, chủ đề xây dựng kế hoạch, địa chỉ tích hợp theo các

mức độ khác nhau như toàn phần, bộ phận, liên hệ, ... Một số môn học phù hợp để tích hợp nội dung BVĐVHD như: Khoa học (ở tiểu học), Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (cấp THCS), Sinh học, Địa lý (cấp THPT),...

Tích hợp giáo dục BVĐVHD qua các môn học giúp mở rộng kiến thức về các loài ĐVHD, đặc điểm, thói quen, điều kiện sinh sống và những vấn đề của chúng đang gặp phải; nhận biết những qui định của pháp luật trong việc bảo vệ ĐVHD. Từ đó hình thành kỹ năng nhận diện giải quyết vấn đề liên quan đến ĐVHD; ý thức, hành vi tích cực, vận động thành viên trong gia đình, cộng đồng thực hiện hoạt động cụ thể để bảo vệ ĐVHD và nơi sống của chúng.

Đồng thời với việc tích hợp nội dung, có thể sử dụng một số phương pháp dạy học tích cực nhằm tăng cường tính tự học, tự chủ, tạo cơ hội thực hiện các hoạt động tìm tòi, khám phá của học sinh như: dạy học giải quyết vấn đề, điều tra, dạy học dự án.

Mô hình tích hợp BV ĐVHD được trình bày theo sơ đồ sau:



### 3.4.1.1. Cấu trúc của mô hình

Mô hình tích hợp trong nhà trường được coi là mô hình cơ bản trong giáo dục bảo vệ động vật hoang dã bao gồm các thành tố tham gia của quá trình dạy học tích hợp được thiết kế theo quan điểm của công nghệ dạy học. Trong mô hình tích hợp nội dung GDBVĐVHD, giáo viên là chủ thể của quá trình hoạt động có thể phối hợp các giáo viên bộ môn khác và cộng đồng (nếu cần). Cấu trúc của mô hình được cụ thể như sau:

- **Đầu vào:** bao gồm mục tiêu của tích hợp bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường, các căn cứ pháp lý về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, nhu cầu thực tế địa phương về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho nhà trường phổ thông và chương trình giáo dục của nhà trường.

- **Quá trình:** Căn cứ vào mục tiêu GDBV ĐVHD theo mô hình tích hợp, chương trình giáo dục nhà trường, lựa chọn chủ đề tích hợp GDBV ĐVHD; phương pháp dạy học tích hợp GDBV ĐVHD; phương tiện, cơ sở vật chất tổ chức tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD. Mỗi hoạt động tích hợp được thực hiện theo một quy trình của việc tổ chức dạy học tích hợp giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, bao gồm 4 bước sau: (1) Phân tích chương trình môn học; (2) Thiết kế kế hoạch bài học; (3) Tổ chức các hoạt động dạy học và (4) Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh. Bốn bước trên đều nhằm hướng đến kết quả đầu ra và đạt được mục tiêu đầu vào của mô hình.

Mặt khác, để thực hiện được mô hình tích hợp giáo dục bảo vệ động vật hoang dã rất cần sự tham gia của tất cả các lực lượng trong và ngoài cộng đồng chung tay vào để mô hình phát triển và duy trì bền vững. Bên cạnh đó, các điều kiện đảm bảo như cơ sở vật chất, tiềm lực kinh phí, các điều kiện kinh tế - xã hội cũng góp phần hỗ trợ đắc lực cho mô hình tích hợp được vận hành trơn tru và duy trì được lâu dài.

- **Đầu ra:** Sự hài lòng của các đối tượng tham gia hướng tới phát triển bền vững: Đối với học sinh: HS phát triển năng lực và phẩm chất bảo vệ động vật hoang dã của học sinh bao gồm: năng lực bảo vệ động vật hoang dã (nhận thức về bảo vệ động vật hoang dã, hành vi bảo vệ động vật hoang dã; tuyên truyền/kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã...); Phẩm chất bảo vệ động vật hoang dã: có ý thức BV động vật hoang dã; Không đồng tình với những hành vi gây ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của động vật hoang dã; sẵn sàng tham gia hoạt động bảo vệ động vật hoang dã...). Đối với giáo viên: việc triển khai các hoạt động giáo dục để tổ chức bảo vệ động vật hoang dã cho học sinh theo hướng tích hợp nhằm phát triển năng lực dạy học tích hợp, năng lực phối hợp hoạt động với các giáo viên bộ môn khác, các cán bộ quản lý và cộng đồng xã hội. Trong mô hình tích hợp GDBV ĐVHD, mục tiêu đầu ra của học sinh được thực hiện khi giải quyết các nhiệm vụ của các dự án học tập cùng với sự tích cực trong quá trình tổ chức dạy học tích hợp của giáo viên.

### 3.4.1.2. Cách thức vận hành mô hình

Để mô hình triển khai được vào trong thực tiễn cần thấy được mối quan hệ, sự vận hành của các thành tố của mô hình trong một hệ thống chỉnh thể, đồng bộ. Nếu sắp xếp theo quá trình tác động từ đầu vào đến đầu ra (hoạt động thông qua chủ thể và đối tượng tác động) thì sự vận hành của mô hình tích hợp giáo dục bảo vệ động vật hoang dã được mô tả như sau:

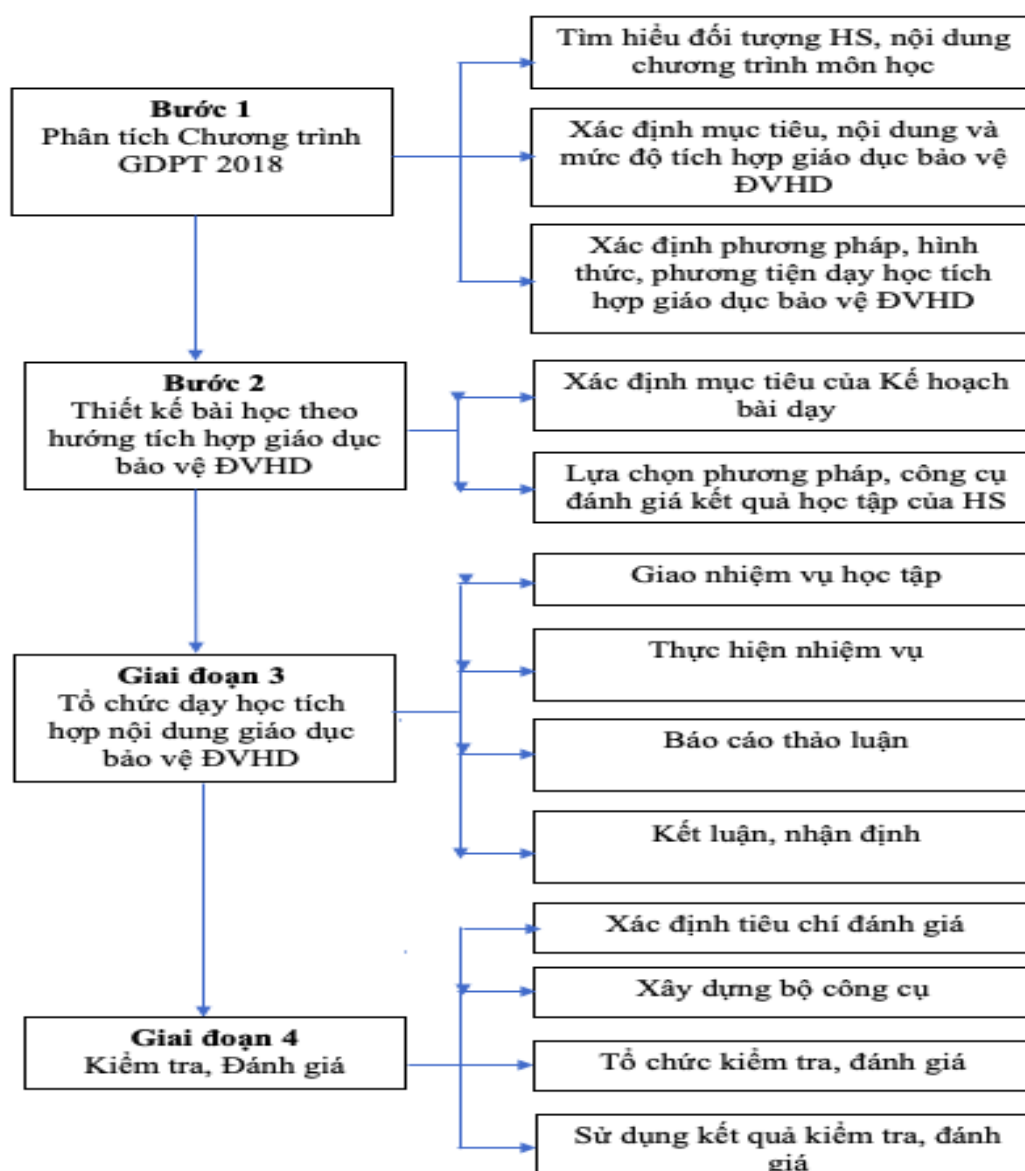
GV phối hợp với các CBQL của các cơ sở giáo dục cần tìm hiểu các căn cứ pháp lý và thực tiễn về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cũng như xác định mục tiêu giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho từng đối tượng học sinh, từng bài học cụ thể; Đồng thời, phối hợp với cha mẹ học sinh, cộng đồng địa phương tìm hiểu nhu cầu thực tế địa phương về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho nhà trường phổ thông.

- Xác định nội dung tích hợp và mức độ tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD
- Xác định các chủ đề tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD.
- Xác định các phương pháp dạy học tích hợp: Vận dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại trong hoạt động tích hợp giáo dục bảo vệ động vật hoang dã.
- Thiết kế các hoạt động tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD.
- Tổ chức các hoạt động tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD theo quy trình gồm 4 bước tương ứng với 4 quá trình của mô hình, đó là: Giai đoạn 1: Phân tích chương trình môn học; Giai đoạn 2: Thiết kế kế hoạch bài học; Giai đoạn 3: Tổ chức các hoạt động dạy học. Giai đoạn này được thiết kế theo quy trình 4 bước thiết kế các hoạt động học tập theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH cấp Trung học (giao nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ, báo cáo thảo luận, kết luận, nhận định) và Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH cấp tiểu học và Giai đoạn 4: Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh. Trong giai đoạn kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh GV cần xác định tiêu chí đánh giá, bộ công cụ; tổ chức kiểm tra đánh giá, sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá
- Duy trì bền vững: Bao gồm việc điều chỉnh, chỉnh sửa liên tục các hoạt động tích hợp GDBV ĐVHD trong nhà trường sao cho phù hợp với bối cảnh từng nhà trường và từng giáo viên.

### 3.4.1.3. Quy trình tổ chức dạy học tích hợp GD BVĐVHD

Nội dung của giáo dục bảo vệ động vật hoang dã rất đa dạng, trên cơ sở những vấn đề chung bao gồm định nghĩa, giá trị, hiện trạng, các mối đe dọa, các biện pháp bảo vệ, ... thì từng địa phương, từng vùng lãnh thổ khác nhau có thể có những nội dung gắn với thực tiễn giáo dục bảo vệ động vật hoang dã khác nhau.

Quy trình tổ chức dạy học tích hợp GDBV ĐVHD được thể hiện theo sơ đồ sau:



**Hình 4. Quy trình tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường**

Tích hợp Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong chương trình GDPT 2018 ở Việt Nam được thể hiện trong cả 3 cấp học từ Tiểu học, THCS đến THPT.

Cấp học	Tiểu học	THCS	THPT
Môn học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếng Việt</li> <li>- Lịch sử và Địa lý</li> <li>- Khoa học</li> <li>- Tự nhiên và Xã hội</li> <li>- Đạo đức</li> <li>- Nghệ thuật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ văn</li> <li>- Lịch sử và Địa lý</li> <li>- Khoa học tự nhiên</li> <li>- Công nghệ</li> <li>- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp</li> <li>- Giáo dục công dân</li> <li>- Công nghệ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ văn</li> <li>- Vật lý</li> <li>- Hoá học</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Địa lý</li> <li>- Công nghệ</li> <li>- Giáo dục kinh tế và pháp luật</li> </ul>



		- Nội dung giáo dục địa phương	- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp - Nội dung giáo dục địa phương
<b>Hình thức tích hợp</b>	<b>Tích hợp trong môn học (tích hợp hoặc lồng ghép trong các môn học)</b>		
	<b>Xây dựng các chủ đề tích hợp</b>		

Ở cấp Tiểu học: Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã tập trung vào việc hình thành hành vi, thói quen nhiều hơn nhận thức. Học sinh được tiếp cận với giáo dục bảo vệ động vật hoang dã thông qua môn học tìm hiểu tự nhiên xã hội và tham gia một số buổi hoạt động ngoại khoá theo chủ đề về bảo vệ động vật hoang dã. Nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở cấp tiểu học được tích hợp thông qua môn học Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Nghệ thuật và Đạo đức.

Ở cấp Trung học cơ sở: Kiến thức, kĩ năng về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã được tích hợp vào môn khoa học (Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục công dân,...) hay phát triển các mô hình carbo school và các buổi ngoại khoá nhằm giúp HS hiểu được định nghĩa, giá trị, và những mối đe dọa của động vật hoang dã ở Việt Nam hiện nay; từ đó có điều chỉnh những hành vi cụ thể trong lối sống, văn hoá và tuyên truyền nhằm bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục địa phương).

- Ở cấp Trung học phổ thông: Kiến thức, kĩ năng về bảo vệ động vật hoang dã được tích hợp vào các môn học như: Ngữ văn, Địa lí, Sinh học, Công nghệ và Giáo dục kinh tế và pháp luật và các buổi ngoại khoá “báo cáo cá nhân” để hiểu sâu thêm những cảnh báo toàn cầu về sự tuyệt chủng của các loài động vật hoang dã và mối đe dọa với động vật hoang dã ở Việt Nam, song cũng vẫn giữ tinh thần lạc quan, tình yêu và trách nhiệm của bản thân với việc quan tâm và bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm.

### **3.4.2. Một số địa chỉ tích hợp GDBV ĐVHD trong môn học và hoạt động trải nghiệm**

*Khi xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề/bài học trong môn học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD cần lưu ý một số nội dung sau:*

- Nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD phải gắn với thực tiễn ở khu vực Tây Nguyên, thiết thực với học sinh.

+ Nội dung tích hợp và phương pháp giảng dạy nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh.

+ Nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD phải gắn với chương trình môn học, hoạt động trải nghiệm, tránh chọn nội dung hoàn toàn mới, gây quá tải cho học

sinh và giáo viên.

+ Nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD được lựa chọn không làm mất nhiều thời gian chuẩn bị của giáo viên.

+ Phương pháp giảng dạy các nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD hướng học sinh đến những kỹ năng lĩnh hội tri thức ở mức độ cao, giúp tiết học sinh động, hấp dẫn và ý nghĩa với học sinh.

Sau đây là gợi ý về một số địa chỉ tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD trong một số môn học và HĐTN cấp tiểu học và trung học.

**GỢI Ý ĐỊA CHỈ TÍCH HỢP NỘI DUNG GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐVHD TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỘT SỐ MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP CẤP TIỂU HỌC**

**1. MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI VÀ MÔN KHOA HỌC**

STT	NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐVHD	TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI			KHOA HỌC	
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Sự đa dạng, phong phú của ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên.	<b>Chủ đề: Thực vật và động vật</b> - Thực vật và động vật xung quanh	<b>Chủ đề: Thực vật và động vật</b> - Nơi sống của thực vật và động vật			
2	Giá trị, vai trò của ĐVHD.			<b>Chủ đề: Thực vật và động vật</b> - Sử dụng thực vật và động vật	<b>Chủ đề: Sinh vật và môi trường</b> - Chuỗi thức ăn	
3	Những loài ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên quý hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng				<b>Chủ đề: Sinh vật và môi trường</b> - Chuỗi thức ăn	
4	Những mối đe dọa đối với ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên hiện nay.		<b>Chủ đề: Thực vật và động vật</b> - Tác động của con người và một số hiện tượng tự nhiên	<b>Chủ đề: Thực vật và động vật</b> - Sử dụng thực vật và động vật		<b>Chủ đề: Sinh vật và môi trường</b> - Vai trò của

			đến môi trường sống của thực vật và động vật			môi trường đối với sinh vật nói chung và con người nói riêng
5	Những hoạt động đang được Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhằm bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên.	<p><b>Chủ đề: Gia đình</b></p> <p>- Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p><b>Chủ đề: Cộng đồng địa phương</b></p> <p>– Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng</p>				<p><b>Chủ đề: Sinh vật và môi trường</b></p> <p>Tác động của con người đến môi trường</p>
6	Tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và giá trị của ĐVHD; các mối đe dọa đối với ĐVHD khu vực miền Trung tây nguyên					<p><b>Chủ đề: Sinh vật và môi trường</b></p> <p>Tác động của con người đến môi trường</p>
7	Tham gia và sẵn sàng	<b>Chủ đề: Thực</b>	<b>Chủ đề: Thực vật</b>			

	hành động bảo vệ ĐVHD, kêu gọi mọi người xung quanh tham gia bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên	<b>vật và động vật</b>  - Chăm sóc và bảo vệ cây trồng và vật nuôi	<b>và động vật</b>  - Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật			
8	Ý thức trách nhiệm đối với việc bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên	<b>Cộng đồng địa phương</b> – Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng	<b>Chủ đề: Thực vật và động vật</b>  - Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật	<b>Chủ đề: Thực vật và động vật</b> – Sử dụng thực vật và động vật	<b>Chủ đề: Sinh vật và môi trường</b> - Chuỗi thức ăn	<b>Chủ đề: Sinh vật và môi trường</b> Tác động của con người đến môi trường

## 2.2. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

STT	NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐVHD	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Sự đa dạng, phong phú của ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên.	<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b></p> <p>- Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống.</p>	<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b></p> <p>- Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan ở địa phương.</p>			
2	Giá trị, vai trò của ĐVHD.			<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b></p> <p>- Nhận diện được vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên ở địa phương</p>	<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b></p> <p>– Giới thiệu được với bạn bè, người thân về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.</p>	

3	Những hoạt động học sinh có thể thực hiện nhằm bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên.	<b>Hoạt động hướng đến xã hội</b> – Tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi				
4	Tim hiểu, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và giá trị của ĐVHD; các mối đe dọa đối với ĐVHD khu vực miền Trung tây nguyên				<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b>  – Giới thiệu được với bạn bè, người thân về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.	
5	Tham gia và sẵn sàng hành động bảo vệ ĐVHD, kêu gọi mọi người xung quanh tham gia bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên	<b>Hoạt động hướng đến xã hội</b> – Tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi <b>Hoạt động</b>	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b>  – Biết cách chăm sóc, bảo vệ cảnh quan xung quanh nơi mình sinh sống.	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b>  - Tuyên truyền tới bạn bè, người thân về việc bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b>  – Thực hiện được một số việc làm cụ thể để chăm sóc, bảo vệ	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b>  – Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.

		<b>hướng đến tự nhiên</b> – Biết bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống.		ở địa phương	cảnh quan thiên nhiên.	
6	Ý thức trách nhiệm đối với việc bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên	<b>Hoạt động hướng đến xã hội</b> – Tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi <b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> – Biết bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống.	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> – Biết cách chăm sóc, bảo vệ cảnh quan xung quanh nơi mình sinh sống.	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> - Tuyên truyền tới bạn bè, người thân về việc bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên ở địa phương	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> – Thực hiện được một số việc làm cụ thể để chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> – Thể hiện được cảm xúc và niềm tự hào đối với cảnh quan thiên nhiên của địa phương và đất nước.



**GỢI Ý ĐỊA CHỈ TÍCH HỢP NỘI DUNG GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐVHD TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỘT SỐ MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP CẤP TRUNG HỌC**

**1. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐVHD</b>	<b>Lớp 6</b>	<b>Lớp 7</b>	<b>Lớp 8</b>	<b>Lớp 9</b>
1	Sự đa dạng, phong phú của ĐVHD ở khu vực miền Trung Tây Nguyên.	<b>Chủ đề: Đa dạng thế giới sống</b> - Đa dạng động vật			
2	Giá trị, vai trò của ĐVHD.	<b>Đa dạng thế giới sống</b> – Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn			
3	Những loài ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên quý hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng		<b>Sinh sản ở sinh vật</b> - Các yếu tố ảnh hưởng	<b>Hệ sinh thái</b> - Quần thể; quần xã; hệ sinh thái; Sinh quyển	
4	Những mối đe dọa đối với ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên hiện nay.		<b>Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật</b> - Các nhân tố ảnh hưởng	<b>Cân bằng tự nhiên</b> – Khái niệm, nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên	
5	Những hoạt động đang			<b>Cân bằng tự nhiên</b>	<b>Ứng dụng công</b>

	được Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhằm bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên.			– Biện pháp duy trì <b>Bảo vệ môi trường</b> – Hạn chế ô nhiễm môi trường	<b>nghệ di truyền vào đời sống</b> - Đạo đức sinh học
6	Tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và giá trị của ĐVHD; các mối đe dọa đối với ĐVHD khu vực miền Trung tây nguyên	<b>Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên</b> – Phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên – Vai trò của sinh vật trong tự nhiên 9		<b>Bảo vệ môi trường</b> - Tác động của con người đối với môi trường - Ô nhiễm môi trường – Biến đổi khí hậu	
7	Tham gia và sẵn sàng hành động bảo vệ ĐVHD, kêu gọi mọi người xung quanh tham gia bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên	<b>Đa dạng thế giới sống</b> - Sự cần thiết bảo vệ đa dạng sinh học		<b>Bảo vệ môi trường</b> – Gìn giữ thiên nhiên	
8	Ý thức trách nhiệm đối với việc bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên	<b>Đa dạng thế giới sống</b> - Sự cần thiết bảo vệ đa dạng sinh học		<b>Bảo vệ môi trường</b> – Gìn giữ thiên nhiên	<b>Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống</b> - Đạo đức sinh học

## 2. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP CẤP THCS VÀ THPT

T T	NỘI DUNG TÍCH HỢP	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP						
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	<p>Tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và giá trị của ĐVHD; các mối đe dọa đối với ĐVHD khu vực miền Trung tây nguyên</p>		<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên Trái Đất.</li> </ul>		<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện được đề tài khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí) tại địa bàn sinh sống.</li> </ul>	<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích, đánh giá được thực trạng môi trường tự nhiên tại địa phương; tác động của con người tới môi trường tự nhiên.</li> </ul>	<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đánh giá được thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phương</li> </ul> <p><i>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghiên cứu, khảo sát</li> </ul>	<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đánh giá được thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương.</li> </ul> <p><i>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lập và thực hiện được kế</li> </ul>

							thực trạng môi trường tự nhiên ở địa phương, tác động của sự phát triển sản xuất kinh doanh đến môi trường và báo cáo kết quả khảo sát.	hoạch khảo sát thực trạng thể giới động, thực vật và bảo vệ thể giới động, thực vật ở địa phương.
2	Tham gia và sẵn sàng hành động bảo vệ ĐVHD, kêu gọi mọi người xung quanh tham gia bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i> – Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i> – Thiết kế được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i> – Thiết kế được sản phẩm thể hiện về	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i> – Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i> – Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tuyên truyền, kêu gọi mọi	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i> – Chủ động, tích cực thực hiện việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, quảng	<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i> - Đề xuất và thực hiện được các giải pháp tích cực, sáng tạo

<p>Trung tây nguyên</p>	<p><b>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</b></p> <p>– Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu.</p> <p>– Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm.</p>	<p>sau chuyến tham quan cảnh quan thiên nhiên.</p> <p>– Thực hiện được các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi đến tham quan.</p> <p><b>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</b></p> <p>– Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau.</p>	<p>đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương.</p> <p>– Tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn.</p> <p><b>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</b></p> <p>– Xây dựng và thực hiện</p>	<p>nước.</p> <p>– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch quảng bá về cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của đất nước.</p> <p><b>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</b></p> <p>– Tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.</p>	<p>người chung tay bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.</p> <p><b>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</b></p> <p>– Thuyết trình được với các đối tượng khác nhau về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên.</p> <p>- Đề xuất được và tham gia thực hiện các giải pháp bảo vệ</p>	<p>bá hình ảnh cảnh quan thiên nhiên và kêu gọi mọi người cùng thực hiện.</p> <p><b>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</b></p> <p>- Đưa ra được các kiến nghị về bảo vệ môi trường từ số liệu khảo sát.</p> <p>– Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp bảo vệ tài nguyên</p>	<p>trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.</p> <p>– Thực hiện được việc tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên. <b>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</b></p> <p>– Thực hiện và tuyên truyền được đến người thân, cộng đồng các</p>
-------------------------	--	---	---	--	--	---	--

				được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.		môi trường tự nhiên.		biện pháp bảo vệ thể giới động, thực vật.
3	Những hoạt động đang được Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhằm bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền					<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i> – Nhận xét, đánh giá được các hành vi, việc làm		<b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b> <i>Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường</i> – Nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm của cá nhân, tổ chức trong việc

	Trung tây nguyên.					của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.		bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.
4	Ý thức trách nhiệm đối với việc bảo vệ ĐVHD ở khu vực miền Trung tây nguyên	<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b></p> <p><i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i></p> <p>– Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên.</p>	<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b></p> <p><i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i></p> <p>– Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên.</p>				<p><b>Hoạt động hướng đến tự nhiên</b></p> <p><i>Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</i></p> <p>- Nhận ra ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với trạng thái cảm xúc của bản thân</p>	

### **3.5. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục bảo vệ ĐVHD của HS**

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập về tích hợp nội dung GDBVĐVHD trong dạy học phổ thông, trước hết là kiểm tra, đánh giá kết quả hình thành tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và khả năng vận dụng của HS, đảm bảo cho hoạt động học tập nói riêng, hoạt động dạy nói chung thu được kết quả phù hợp với yêu cầu, mục tiêu dạy học đã đề ra. Có nhiều cách đánh giá người học áp dụng trong GDBVĐVHD, ngoài việc đánh giá nội dung học tập còn đánh giá về “khả năng tư duy phân tích và phản biện”. Bên cạnh đó, cần phải đánh giá khả năng tương tác của HS, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý tình huống ngoài môi trường học tập bên ngoài lớp học, sự linh hoạt trong xử lý tình huống, thái độ khi được tiếp cận với cách học tập và môi trường học tập GDBVĐVHD của HS.

#### *3.5.1. Mục đích đánh giá*

Việc đánh giá kết quả giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông trong các trường thuộc khu vực Tây Nguyên nhằm hướng đến các mục đích sau:

- Một là, đánh giá sự phát triển nhận thức, thái độ của học sinh về ĐVHD; hành vi, cách ứng xử của học sinh liên quan đến việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.
- Hai là, ghi nhận, động viên khuyến khích học sinh có những hành vi tích cực, phù hợp trong việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên
- Ba là, giúp các nhà giáo dục điều chỉnh nội dung, cách thức giáo dục bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho phù hợp với nhu cầu và trình độ học sinh.

#### *3.5.2. Nội dung đánh giá*

Đánh giá kết quả giáo dục bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho học sinh phổ thông trước hết là đánh giá kiến thức, hiểu biết của học sinh về ĐVHD ở khu vực TN và tầm quan trọng của việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên. Thứ hai, phải đánh giá được thái độ của học sinh đối với những thái độ, hành vi, việc làm tiêu cực đang làm suy giảm các loài ĐVHD sống trong tự nhiên. Thứ ba, cần đặc biệt chú trọng đánh giá kỹ năng, hành vi, cách ứng xử của học sinh trong các tình huống thực tiễn có liên quan đến việc bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên vì đây chính là đích cuối cùng, quan trọng nhất của giáo dục.

#### *3.5.3. Phương thức đánh giá*

Phương thức đánh giá kết quả giáo dục về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên cho học sinh là sự kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì; tích hợp đánh



giá trong các môn học và hoạt động giáo dục; kết hợp giữa đánh giá của giáo viên với tự đánh giá của học sinh, đánh giá đồng đẳng của học sinh và đánh giá của cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác có liên quan. Chú ý đánh giá HS qua các hoạt động trải nghiệm, các tình huống giả định hoặc các tình huống thực tiễn để HS bộc lộ được hành vi (là kết quả của quá trình nhận thức). Bên cạnh đó, cũng có một số hình thức đánh giá mới như việc yêu cầu học sinh làm các báo cáo, poster hay video, các sản phẩm hoặc nghiên cứu dùng kiến thức khoa học để giải quyết vấn đề có tích hợp nội dung bảo vệ động vật hoang dã trong thực tế địa phương.

#### *3.5.4. Các bước tổ chức kiểm tra, đánh giá*

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS bao gồm việc xác định tiêu chí đánh giá; xây dựng bộ công cụ; tổ chức kiểm tra đánh giá; và sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá.

- (1) Xác định tiêu chí đánh giá bao gồm việc đánh giá kiến thức, kỹ năng và phẩm chất của học sinh về GDBV ĐVHĐ. Lựa chọn công cụ đánh giá để chứng minh khả năng nhận thức của HS về vấn đề GDBVĐVHĐ. Ngoài ra, cần có công cụ đánh giá phù hợp về: Tư duy phê phán, giải quyết vấn đề trong thực tế, làm việc nhóm,...
- (2) Xây dựng bộ công cụ đánh giá: Xây dựng các bài tập trắc nghiệm hoặc tự luận, phiếu quan sát, hồ sơ học tập, đánh giá thông qua dự án học tập và đánh giá thông qua các tình huống thực tiễn.
- (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá: Một số cách thức đánh giá trong tích hợp nội dung GDBVĐVHĐ trong nhà trường phổ thông đó là:
  - Tìm hiểu nhu cầu người học, thông qua những phiếu hỏi, bảng kiểm, trả lời nhanh những câu hỏi mở, động não.
  - Cách kích lệ tự định hướng như tự suy ngẫm, tự đánh giá, thông tin phản hồi của bạn bè và học tập hợp tác.
  - Cách giám sát sự tiến bộ như dự giờ, nhật kí học tập, kế hoạch học tập, sổ theo dõi học tập.
  - Kiểm tra sự hiểu biết như: Hồ sơ học tập, phiếu kiểm tra, phiếu quan sát, phỏng vấn, chất vấn.

#### *3.5.5 Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá:*

Sử dụng kết quả đánh giá nhằm giúp cho HS và GV xem xét lại hiệu quả dạy học trong một thời gian nhất định, là cơ sở để HS tiếp học sang bài mới, chương mới. Ngoài đánh giá kiến thức, kỹ năng HS qua các phiếu kiểm tra truyền thống thì còn một số hình thức trong

đánh giá sản phẩm, đánh giá qua dự án học tập,... GV đánh giá sản phẩm của HS thông qua các phiếu học tập, câu hỏi, thực hiện dự án, lập kế hoạch làm việc...

Ví dụ 1: sử dụng Phiếu học tập để đánh giá kết quả làm việc nhóm (Môn Khoa học tự nhiên lớp 6, bài học: *Phân loại thế giới sống*, thuộc Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống, SGK Kết nối tri thức với cuộc sống).

<b>Phiếu học tập số 1</b>	
Nhóm .....	
<b>Câu hỏi hoạt động</b>	<b>Học sinh trả lời</b>
<p>1/ Kể tên một số sinh vật trong hình 22.1.</p> <p>2/ Em hãy nhận xét về thế giới sống của sinh vật?</p> <p>3/ Thế giới sống có thể được phân loại theo những tiêu chí nào? Trên cơ sở đó, em hãy phân loại các sinh vật trong hình 22.1.</p>	<p>1/.....</p> <p>.....</p> <p>2/ .....</p> <p>.....</p> <p>3/ .....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<b>Phiếu học tập số 2</b>	
Nhóm .....	
<p>1/ Kể tên các bậc phân loại sinh vật theo thứ tự từ thấp đến cao trong thế giới sống?</p> <p>2/ Từ cách phân loại loài Gấu đen châu mỹ, em hãy cho biết các bậc phân loại của loài Gấu trắng trong hình 22.3?</p> <p>3/ Em có nhận xét gì về các sinh vật cùng loài?</p> <p>4/ Quan sát hình 22.4 em hãy cho biết sinh vật có những cách gọi tên nào?</p>	<p>1/.....</p> <p>.....</p> <p>2/ .....</p> <p>.....</p> <p>3/ .....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>4/ .....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

	.....
--	-------

Ví dụ 2: sử dụng kết quả quan sát hoạt động nhóm để đánh giá hoạt động vận dụng (Bài học: *Hệ sinh thái*, môn Sinh học lớp 12, tại trường THPT Dạ Nhim, tỉnh Lâm Đồng)  
 Học sinh sử dụng bảng mã morse, để tìm những thông điệp ẩn sau những bức tranh

Bảng mật mã morse

A	·—	N	—·	1	— — — — —	?	· — — — —
B	— ···	O	— — — —	2	· — — — —	!	· — — — —
C	— · — ·	P	— · — ·	3	· — — —	,	· — — — —
D	— · ·	Q	— — — ·	4	· · — —	;	· — — — —
E	·	R	· — ·	5	· · · ·	:	· — — — —
F	· — · —	S	···	6	— · · · ·	+	· — — — ·
G	— — ·	T	—	7	— — · · ·	-	— · · · ·
H	····	U	· — —	8	— — — · ·	/	· — — — ·
I	··	V	· · —	9	— — — — ·	=	· — · · ·
J	· — — — —	W	· — —	0	— — — — —		
K	— · —	X	— · · —				
L	· — · ·	Y	— · — —				
M	— —	Z	— · — ·				

**MÃ MORSE LÀ GÌ???**

Bức tranh	Thông điệp
	<p>— · — · — · — — / — · · · · · / · · — — — —</p> <p>· · / — · — · — — / — · · · · · / · · · · — — ·</p> <p>— / — — · · — — / — — · — — · · · ·</p> <p>Thông điệp 1:          Quần thể voi đang bị suy giảm mạnh.</p>
	<p>— · / — — · · — — — / — — — — · — · · — —</p> <p>— / · · — — · · — / — · — — — / — · · — / —</p> <p>· · — — · — — · — / — · — · · · · · — · — —</p> <p>Thông điệp 2:          Tê giác Java Việt Nam đã tuyệt chủng.</p>



●●●● ●— —●—/ —●—● ●●●● ●●— —● —●—/ /  
— ●— —●—/ —●●● ●— ———/ ●●— ●/—●●  
—— —● ———/ ●●— ●— —/ ●●●● ——— ●—  
—● ———●/ —●● ●—

Thông điệp 3:  
Hãy chung tay bảo vệ động vật hoang dã.

## KẾT LUẬN

Mảnh đất Tây Nguyên được biết đến với diện tích cao nguyên rộng lớn, những con sông đầu nguồn và các khu rừng có giá trị cao về đa dạng sinh học. Nơi đây cũng là ngôi nhà chung của nhiều loài động vật quý hiếm được pháp luật Việt Nam bảo vệ như Hổ, Beo lửa, Báo, Bò tót, Bò rừng, Voọc chà vá chân đen, Công xanh, và đặc biệt là Voi - loài gắn liền với văn hóa Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung. Trong số đó có nhiều loài quý hiếm được xếp vào danh sách bảo vệ của thế giới. Tuy nhiên suốt thời gian dài tình trạng săn bắt chim thú liên tục xảy ra, làm cho số lượng giảm đáng kể, có một số loài đặc biệt quý hiếm đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Đã có rất nhiều giải pháp bảo tồn ĐVHD ở Tây Nguyên mà chính quyền địa phương đang áp dụng như cấm săn bắt, tuyên truyền phổ biến tác hại, lợi ích không đáng có của thịt thú rừng hay thành lập các VQG, bảo tồn môi trường sống, thả thú về rừng..., nghiên cứu tái thả lại tự nhiên một số loài quý hiếm như trăn và cá sấu sẽ có ý nghĩa to lớn đối với bảo tồn. Một trong những giải pháp hữu ích là tăng cường giáo dục về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD trong các nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên. Trong đó, việc biên soạn một tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên theo hướng cung cấp những kiến thức cơ bản về ĐVHD khu vực Tây Nguyên và hướng dẫn các hoạt động giáo dục về giáo dục về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên tích hợp với chương trình phổ thông mới là cần thiết nhằm cung cấp kiến thức, thông tin cơ bản nhất cho cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên. Đây là một tài liệu trong hợp phần hệ thống sản phẩm của nhiệm vụ nghiên cứu “***Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên***”.

Các nội dung được biên soạn trong tài liệu đã được xin ý kiến các CBQL và GV một số trường TH, THCS, THPT tại khu vực Tây Nguyên qua việc tổ chức hội thảo và phỏng vấn trực tiếp CBQL và GV. Các ý kiến tập trung vào một số nội dung: mục tiêu của tài liệu; cấu trúc của tài liệu; các nội dung được cung cấp trong tài liệu; hình thức trình bày của tài liệu. Qua phỏng vấn, CBQL và GV cho biết tài liệu đã đáp ứng mục tiêu, cấu trúc hợp lý, nội dung và hình thức trình bày phù hợp, dễ tiếp nhận; nhiều nội dung của tài liệu đã được triển khai trong hoạt động tập huấn. Tại hội thảo, các CBQL và GV đã chia sẻ về thực trạng và nhu cầu của các nhà trường cũng như cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục BVĐVHD đã được hướng dẫn trong tài liệu. Nhìn chung CBQL và GV đều cho rằng tài liệu này cùng với các tài liệu khác là nguồn tham khảo rất hữu ích đối với các nhà trường phổ thông trong việc triển khai các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông tại khu vực Tây Nguyên, cách trình bày của tài liệu giản dị, dễ hiểu, dễ vận dụng trong thực tiễn dạy học và triển khai

các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Bên cạnh đó, GV mong muốn có thể có thêm các tranh ảnh, video,... để cung cấp thêm các tư liệu cho GV tham khảo.

Để việc giáo dục bảo vệ ĐVHD được triển khai có hiệu quả trong thực tiễn, các cơ sở giáo dục cần thực hiện tốt một số hoạt động sau:

- Triển khai các mô hình, phương thức giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông được đề xuất trong tài liệu phù hợp với từng cấp học, lớp học và đối tượng học sinh.

- Quản lý tốt quá trình giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh trong các môn học và hoạt động giáo dục, tạo nên một hệ thống quản lý đồng bộ, tổng thể, góp phần triển khai có hiệu quả những định hướng và giải pháp chung, đồng thời chú ý đến các đặc điểm địa phương và các điều kiện thực tế của nhà trường.

- Xây dựng môi trường thân thiện ở tất cả các cấp học, lớp học tại các địa phương, nhằm tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm sự gần gũi với môi trường tự nhiên, nơi những loài ĐVHD có thể là bạn thân thiết của con người.

Có thể nói, vì một môi trường sống lành mạnh và sự đa dạng hệ sinh thái nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng, việc bảo tồn, phát huy gìn giữ những loài ĐVHD là thực sự cần thiết với môi trường sống của chính con người. Vì vậy, hãy bắt đầu bằng việc giáo dục ý thức, thái độ, kỹ năng và hành vi của mỗi cá nhân ngay từ tuổi học trò mà nhà trường là một môi trường giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, (2011), *Báo cáo quốc gia về Đa dạng sinh học*
2. Lê Mạnh Hùng, 2012. *Giới thiệu một số loài chim Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
3. Đỗ Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Bình, Trần Văn Quang, (2014), *Bảo vệ ĐVHD – Hướng dẫn tích hợp vào môn sinh học lớp 7* (sách giáo viên).
4. Đỗ Thị Thanh Huyền, (2015), *Chuyện của Gab* (sách dành cho học sinh).
5. Đỗ Thị Thanh Huyền, 2016. *Giáo dục bảo tồn biển Côn Đảo, Hướng dẫn thực hiện hoạt động với học sinh cấp 2*, Tổ chức bảo vệ ĐVHD (WAR), Nhà xuất bản Phương Đông.
6. Nguyễn Vũ Khôi. 2014. *Danh lục bằng hình ảnh các loài thú, bò sát, lưỡng cư tại khu vực Ba Hòn, Huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang*, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.
7. Lê Văn Lanh, Sầm Thị Thanh Phương, Bùi Xuân Trường, (Trung tâm Vườn quốc gia, Hội các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên VN) (2006), *Giáo dục môi trường – Tài liệu dành cho giáo viên và học sinh THCS*, NXB Giáo dục.
8. Nguyễn Tuyết Nga, (2016), *Giáo dục bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam qua hoạt động ngoài giờ lên lớp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Dự án PARC – Vườn quốc gia Yok Đôn, Đak Lak, (2003), *Bộ Tài liệu giáo dục môi trường dành cho học sinh Tiểu học và THCS (từ lớp 3 đến lớp 9) thuộc Chương trình Giáo dục môi trường*.
10. Dang Huy Phuong, Nguyen Quang Truong, Nguyen Truong Son & Nguyen Vu Khoi. 2007. *A photographic guide to Mammals, Reptiles and Amphibians of Phu Quoc Island, Kien Giang Province, Vietnam*. Ho Chi Minh City General Publishing House.
11. Qihe Yanga, Huiying Zhub, and Hesheng Yang, 2018, *An Investigation on Wildlife Protection Consciousness of Middle School Students in Meizhou City*,

*South China*. The 4<sup>th</sup> Annual 2018 International Conference on Management Science and Engineering (MSE2018).

12. Tổ chức quốc tế đối xử nhân đạo với động vật (HSI), Bộ GD-ĐT, Bộ NN-PTNT (2019), *Bộ tài liệu giáo dục bảo tồn ĐVHD bị đe dọa tuyệt chủng cho học sinh tiểu học*.

13. Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên Gaia và Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An, (2018), *Em yêu Cù lao Chàm* (sách dành cho học sinh).

14. Bùi Xuân Trường, Đỗ Thị Thanh Huyền, Sầm Thị Thanh Phương, (2020), *Sổ tay giáo dục truyền thông bảo tồn ĐVHD – Hướng dẫn thực hành cho các khu bảo tồn*.

15. Ngô Thị Tuyên (2003), Đề tài NCKH&CN cấp Bộ “*Phương thức khai thác giáo dục môi trường từ chương trình giáo dục bậc tiểu học*”, mã số B2003-51-07, Viện Khoa học Giáo dục VN.

16. Ngô Thị Tuyên (2003), Đề tài NCKH&CN cấp Bộ “*Tổ chức chiến dịch tăng cường nhận thức giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường*”, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

17. UNESCO Hà Nội, Sở GD-ĐT Thừa Thiên – Huế, (2015), *Học cách sống hòa hợp với thiên nhiên và giúp học sinh biết sống hòa hợp với thiên nhiên*.

18. UNESCO Hà Nội, Sở GD-ĐT Thừa Thiên – Huế, (2015), Bộ tài liệu và khóa học về Đa dạng sinh học: “*Học cách sống hòa hợp với thiên nhiên và giúp học sinh biết sống hòa hợp với thiên nhiên*”.

19. UNESCO, (2020), *Selected resources on SDG15*.

20. Viện KHGDVN, (2013), *Nâng cao nhận thức và hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu cho Tổng phụ trách Đội*

21. VVOB, (2011), *Tài liệu tập huấn giáo dục môi trường cơ bản*.

22. Bùi Thanh Xuân, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Hoài Thu (2019). *Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của tài liệu và hoạt động giáo dục về bảo tồn ĐVHD bị đe dọa tuyệt chủng cho học sinh Tiểu học*.

23. Wildlife At Risk, Viện Hải Dương Học Nha Trang. 2016. Rắn biển Việt Nam – Sea snakes in Vietnam. Tra cứu tại <https://wildlifeatrisk.org/vi/an->



pham/sach/Tra cứu tại <https://wildlifeatrisk.org/vi/an-pham/sach/>

24. (1) Kon Ka Kinh Nation Park - An important Biodiversity Zone in the central highland, Vietnam. Available from: [https://www.researchgate.net/publication/308409202\\_Kon\\_Ka\\_Kinh\\_Nation\\_Park\\_-\\_An\\_important\\_Biodiversity\\_Zone\\_in\\_the\\_central\\_highland\\_Vietnam](https://www.researchgate.net/publication/308409202_Kon_Ka_Kinh_Nation_Park_-_An_important_Biodiversity_Zone_in_the_central_highland_Vietnam) [accessed Nov 19 2023].
25. (2) Nghị định 84/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, ngày 22/9/2021
26. (3) Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, ngày 22/01/2019 (10/3/2019)
27. WAR & Vườn quốc gia Côn Đảo, (2016), *Biển Côn Đảo của em* (sách dành cho học sinh).
28. WWF, (2007), *Giáo dục Bảo tồn động thực vật hoang dã khỏi buôn bán trái phép – Hướng dẫn thực hiện hoạt động với học sinh*.
29. [https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/2020/thong\\_bao\\_-\\_chuong\\_trinh\\_tinh\\_nguyen\\_vien\\_2020\\_12\\_may\\_2020.pdf](https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/2020/thong_bao_-_chuong_trinh_tinh_nguyen_vien_2020_12_may_2020.pdf) truy cập ngày 11/7/2020.
30. [https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/2020/thong\\_bao\\_-\\_chuong\\_trinh\\_tinh\\_nguyen\\_vien\\_2020\\_12\\_may\\_2020.pdf](https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/2020/thong_bao_-_chuong_trinh_tinh_nguyen_vien_2020_12_may_2020.pdf) truy cập ngày 11/7/2020.
31. <https://www.svw.vn/vi/giao-duc-bao-ton/> truy cập ngày 11/7/2020.
32. <https://www.svw.vn/vi/giao-duc-bao-ton/> truy cập ngày 11/7/2020.
33. <https://wildlifeatrisk.org/vi/an-pham/sach/> truy cập ngày 11/7/2020.
34. <https://wildlifeatrisk.org/vi/an-pham/sach/> truy cập ngày 11/7/2020.
35. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/tuyen-truyen-bao-ve-dong-vat-hoang-da-811921.vov> truy cập ngày 12/7/2020.

36. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/tuyen-truyen-bao-ve-dong-vat-hoang-da-811921.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
37. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/hoi-thao-ve-hoan-thien-phap-luat-bao-ve-dong-vat-hoang-da-quy-hiem-767860.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
38. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/hoi-thao-ve-hoan-thien-phap-luat-bao-ve-dong-vat-hoang-da-quy-hiem-767860.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
39. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/cong-dong-chung-tay-bao-ve-dong-vat-hoang-da-760402.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
40. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/cong-dong-chung-tay-bao-ve-dong-vat-hoang-da-760402.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
41. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/phat-hanh-bo-tem-dong-vat-vuon-quoc-gia-kon-ka-kinh-671526.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
42. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/phat-hanh-bo-tem-dong-vat-vuon-quoc-gia-kon-ka-kinh-671526.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
43. <https://baotainguyenmoitruong.vn/hanh-dong-3-khong-chung-tay-bao-ve-dong-vat-hoang-da-304641.html> truy cập ngày 12/7/2020.
44. <https://baotainguyenmoitruong.vn/hanh-dong-3-khong-chung-tay-bao-ve-dong-vat-hoang-da-304641.html> truy cập ngày 12/7/2020.
45. <https://nongnghiep.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da--lan-toa-cong-dong-d260267.html> truy cập ngày 12/7/2020.
46. <https://nongnghiep.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da--lan-toa-cong-dong-d260267.html> truy cập ngày 12/7/2020.
47. <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/908758/tang-cuong-bao-ve-cac-loai-nguy-cap-quy-hiem>
48. <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/908758/tang-cuong-bao-ve-cac-loai-nguy-cap-quy-hiem>
49. Aidan Keane, Andriamahatsiaro A. RamarolahyAidan Keane, Andriamahatsiaro A. RamarolahyAidan Keane, Andriamahatsiaro A. Ramarolahy, Julia P.G. JonesJulia P.G. JonesJulia P.G. Jones, E.J. Milner-Gulland, 2010.E.J. Milner-Gulland, 2010.E.J. Milner-Gulland, 2010. *Evidence for the effects of*

*environmental engagement and education on knowledge of wildlife laws in Madagascar.*

50. A.Meadows (2011); *Wildlife conservation education and international programmes* đăng trên tạp chí the Journal of Animal and plant sciences, 21 (2 Suppl): 2011; p. 305-316

51. WWF, (2020), *Educational Resources on Wild Classroom.*

52. <https://edu-africa.com/students-abroad/educational-wildlife-conservation-programs/>

53. <https://edu-africa.com/students-abroad/educational-wildlife-conservation-programs/>

54. <https://www.svw.vn/vi/giao-duc-bao-ton/>

55. <https://www.svw.vn/vi/giao-duc-bao-ton/>

56. <https://www.wildlifeconservationtrust.org/our-work/communities/education/>

57. <https://www.wildlifeconservationtrust.org/our-work/communities/education/>

58. <https://africanwildlifeconservationfund.org/education-outreach/>

59. <https://africanwildlifeconservationfund.org/education-outreach/>

60. <https://uwec.ug/school-community/school-programs/>

61. <https://uwec.ug/school-community/school-programs/>

62. <https://www.nwf.org/Kids-and-Family/Connecting-Kids-and-Nature>

63. <https://www.nwf.org/Kids-and-Family/Connecting-Kids-and-Nature>

64. <http://www.kws.go.ke/content/conservation-education>

65. <http://www.kws.go.ke/content/conservation-education>

66. <http://limbewildlife.org/what-we-do/education/>

67. <http://limbewildlife.org/what-we-do/education/>

68. <https://fw.ky.gov/Education/Pages/Conservation-Education.aspx>

69. <https://fw.ky.gov/Education/Pages/Conservation-Education.aspx>

70. <https://www.wildnatureinstitute.org/environmental-education.html>

71. <https://www.wildnatureinstitute.org/environmental-education.html>

72. <https://africanconservation.org/project/conservation-education/>

73. <https://africanconservation.org/project/conservation-education/>